HỌC247 Kids

1001

BÀI TOÁN TƯ DUY

DÀNH CHO HỌC SINH TIỂU HỌC

2

7 - 8 TUỔI

Chủ biên: Thầy Nguyễn Đức Tấn
Cô Thu Hà, Cô Mỹ Linh, Cô Kim Anh

Lời nói đầu

Sự thật về toán tư duy mà ba mẹ nên biết!

Toán là một môn học vô cùng quan trọng giúp bé hình thành trí thông minh, rèn luyện được khả năng tư duy logic, độc lập để giải quyết các vấn đề. Tuy nhiên, không phải đứa trẻ nào cũng có khả năng học tốt môn toán ngay từ đầu. Chính vì vậy, toán tư duy ra đời nhằm giúp trẻ áp dụng tư duy vào việc xử lý các phép tính, hiểu được bản chất của tư duy toán thay vì chỉ sử dụng các công thức khuôn mẫu máy móc.

Nhằm giúp các em tiếp cận gần hơn với Toán tư duy, đội ngũ GV Học247Kids biên soạn bộ Ebook **1001 Bài toán tư duy dành cho học sinh tiểu học** với chủ biên là thầy Nguyễn Đức Tấn tác giả của hơn 30 đầu sách toán tham khảo. Đi kèm bộ Ebook là khoá luyện tập miễn phí **1001 Bài Toán Tư Duy Lớp 1-5** trên **App HOC247 Kids** để các em có thể làm bài online.

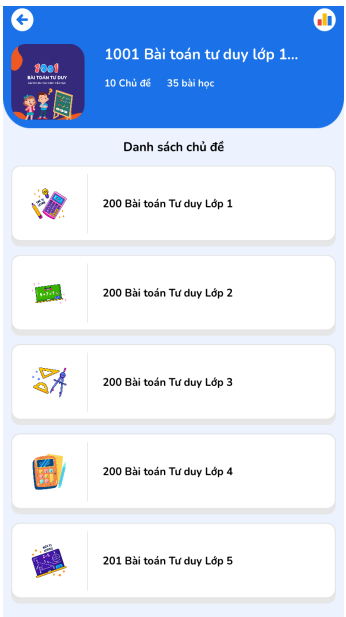

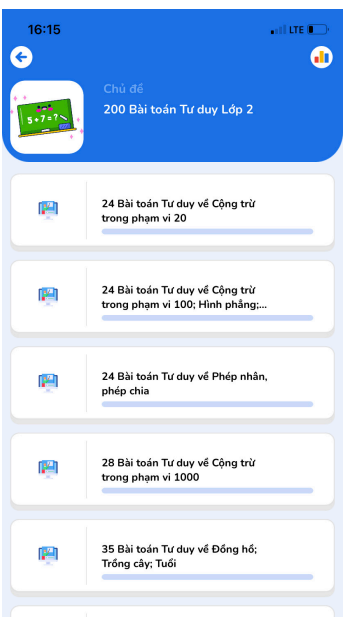

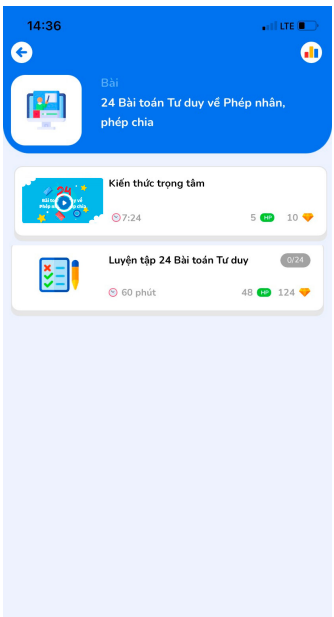

Liên hệ: Hotline: **0383.722.247** Zalo: **0798.158.535** Facebook: **@ebook247kids**

Để được Thầy/Cô hỗ trợ kích hoạt **MIỄN PHÍ** trên App HOC247 Kids.

HOC247 Kids

Kids.hoc247.vn

MỤC LỤC

Chủ đề 1: Cộng trừ trong phạm vi 20..... 5

Tính nhanh cộng trừ trong phạm vi 20

Tìm quy luật dãy số

Các dạng toán liên quan đến phép cộng phép trừ

Số liền trước, số liền sau

Chủ đề 2: Cộng trừ trong phạm vi 100.

Hình phẳng. Thời gian. 20

Phép cộng có nhớ trong phạm vi 100

Phép trừ có nhớ trong phạm vi 100

Điểm, đoạn thẳng, đường thẳng

Ba điểm thẳng hang

Thời gian

Chủ đề 3: Phép nhân, phép chia 36

Phép nhân, phép chia

Hình học

Tìm thành phần chưa biết trong phép tính

MỤC LỤC

Chủ đề 4: Cộng trừ trong phạm vi 1000 ... .50

Phép công trù trong phạm vi 1000

Tìm thành phần chưa biết trong phép tính

Chủ đề 5: Đồng hồ. Trồng cây. Tuổi 64

Thời gian

Bài toán trồng cây

Bài toán về tuổi

Chủ đề 6: Đếm. Quy tắc chung. Logic 90

Phép chia và quy luật

Bài toán tìm số vật

Quy tắc dãy số

Đếm hình. Đếm đoạn thẳng

Chủ đề 7: Bảng. Sơ đồ 115

Bài toán lập danh sách, lập bảng

Bài toán giải bằng sơ đồ

HỌC247 Kids
Kids.hoc247.vn

Chủ đề 1: Cộng trừ trong phạm vi 20.

I. Kiến thức trọng tâm

1. Tính nhanh phép cộng, phép trừ trong phạm vi 20

- Để thực hiện tính nhanh, cộng (trừ) các số có kết quả là số tròn chục trước rồi mới thực hiện với các phép tính còn lại.

→Ví dụ: Tính nhanh:

Giải

4 + 5 + 6 = 4 + 6 + 5 = 10 + 5 = 15

2. Tìm quy luật dãy số

- Bước 1: Tìm quy luật dãy số (tăng dần hay giảm dần và cách nhau bao nhiêu đơn vị)

- Bước 2: Dựa vào quy luật để điền tiếp các số còn thiếu. (Dãy số tăng dần thì cộng. Dãy số giảm dần thì trừ)

→ Ví dụ: Các số cần điền lần lượt là:

?	3	6	?	?	15

Giải

Xét hai số liên tiếp trong dãy số là 3 và 6, ta có 3 < 6 và 6 – 3 = 3.

Vậy đây là dãy số tăng dần cách nhau 3 đơn vị. Nên các số cần điền lần lượt là 0; 9; 12

3. Các dạng bài toán liên quan đến phép cộng, phép trừ

- *Bài toán thêm (bớt) đơn vị*: Ta thực hiện phép tính cộng cho bài toán thêm đơn vị. Thực hiện phép trừ với bài toán bớt đơn vị.

→Ví dụ: Một người đi câu cá, lúc đầu câu được 5 con cá, lúc sau câu thêm được 8 con cá. Hỏi người đó câu được bao nhiêu con cá?

Giải

Người đó câu được số con cá là:

5 + 8 = 13 (con)

Đáp số: 13 con cá

- *Bài toán ngược:*

+ Tìm cái ban đầu làm phép tính cộng.

+ Tìm cái đã dùng (đã mất, đã cho, …) làm phép tính trừ.

→ Ví dụ: Một tiệm tạp hóa có 11 bao gạo, sau khi bán được một số bao gạo thì tiệm còn lại 6 bao gạo. Hỏi tiệm đã bán bao nhiêu bao gạo?

Giải

Tiệm đã bán số bao gạo là:

11 - 6 = 5 (bao)

Đáp số: 5 bao gạo

- *Bài toán nhiều hơn, ít hơn:*

+ Tìm đơn vị nhiều hơn làm phép tính cộng.

+ Tìm đơn vị ít hơn làm phép tính trừ.

+ Tìm phần nhiều hơn, ít hơn làm phép tính trừ.

→ Ví dụ: Nam có 6 cây bút. Mai có 10 cây bút. Hỏi Nam có ít hơn Mai

mấy cây bút?

Giải

Nam có ít hơn Mai số cây bút là

10 - 6 = 4 (cây)

Đáp số: 4 cây bút

4. Số liền trước, số liền sau.

- Số liền trước của một số bé hơn số đó 1 đơn vị.

Số liền trước của một số = Số đó - 1

- Số liền sau của một số lớn hơn số đó 1 đơn vị.

Số liền trước của một số = Số đó + 1

- Nếu a là số liền trước của b thì b là số liền sau của a và ngược lại nếu a là số liền sau của b thì b là số liền trước của a.

→Ví dụ: Biết a là số liền sau của 35. Vậy số liền trước của a là số nào?

Giải

a là số liền sau của 35 thì 35 là số liền trước của a.

Vậy số liền trước của a là 35.

Bộ câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1: Điền số thích hợp vào phép tính:

$7 + 5 = ...$

A

B

C

D

Câu 2: Thực hiện phép tính:

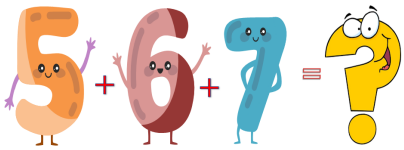

18

17

16

Câu 3: Phép tính đúng là:

A

B

C

D

Câu 4: Ba số tiếp theo của dãy số: 2; 4; 6; 8,…;…;… lần lượt là:

A

B

C

D

Câu 5: Viết một dãy số gồm năm số biết đây là một dãy số tăng dần cách nhau 5 đơn vị, bắt đầu từ 0.

0; 5; 10; 15; 20

0; 10; 15; 20; 25

0; 5; 10; 20; 25

Câu 6: Trên cành cây có 8 con chim, một lúc sau có 7 con chim bay đến. Hỏi lúc này trên cành cây có tất cả bao nhiêu con chim?

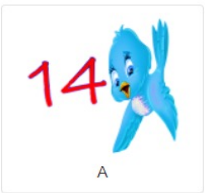

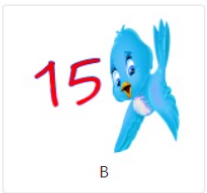

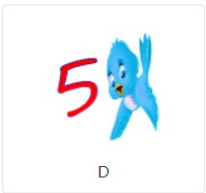

Câu 7: Kết quả của phép tính 18 - 9 là:

Câu 8: Thực hiện phép tính:

3

4

5

Câu 9: Phép tính đúng là:

A

B

C

D

Câu 10: Số còn thiếu trong phép tính bên dưới là:

6

7

8

Câu 11: Một cửa hàng có 17 bộ ly. Cửa hàng đã bán được 8 bộ. Hỏi cửa hàng còn lại bao nhiêu bộ ly?

A

B

C

D

Câu 12: Một đàn gà có 16 con gà con. 7 con đã đi lạc. Hỏi đàn gà còn lại bao nhiêu con gà con?

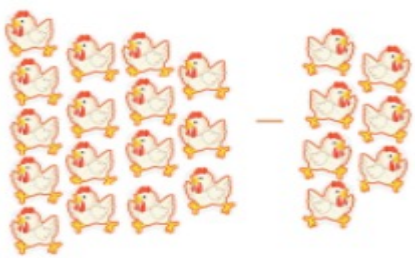

9 con

10 con

11 con

Câu 13: Hình ảnh nào có số máy bay ít hơn số ô tô 3 chiếc?

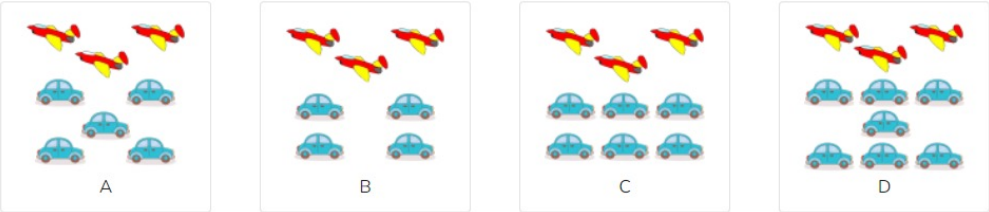

Câu 14: Gà và thỏ, con vật nào có nhiều hơn và nhiều hơn bao nhiêu con?

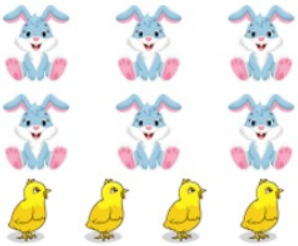

- Gà nhiều hơn thỏ 2 con
- Thỏ nhiều hơn gà 2 con
- Thỏ nhiều hơn gà 3 con

Câu 15: Lan xếp được 8 bông hoa. Mai xếp được ít hơn Lan 3 bông hoa. Hỏi Mai xếp được bao nhiêu bông hoa?

Câu 16: Trên sân có 5 con gà con. Số gà con nhiều hơn gà mẹ 3 con. Hỏi có bao nhiêu con gà mẹ?

- 2 con
- 7 con
- 3 con

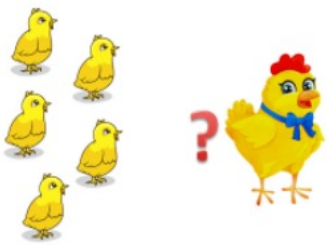

Câu 17: Mẹ có 5 quả táo. Bà có 7 quả táo. Hỏi mẹ ít hơn bà bao nhiêu quả táo?

Câu 18: Lớp 2/5 có 20 học sinh nữ. Lớp 2/6 nhiều hơn lớp 2/5 là 3 học sinh nữ. Hỏi lớp 2/6 có bao nhiêu học sinh nữ?

- 22 học sinh
- 23 học sinh
- 27 học sinh

Câu 19: Tìm x, biết: 5 + x = 14

Câu 20: Điền ba số giống nhau vào vị trí con thỏ cho thích hợp:

- 6
- 5
- 4

Câu 21: Điền số thích hợp vào chỗ trống: 15 - ... > 9

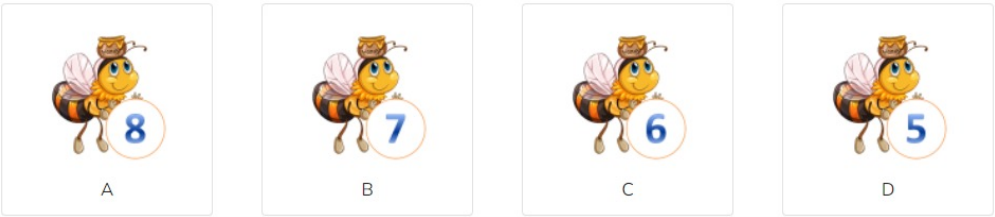

Câu 22: Trên sân có 5 con gà con. Số gà con nhiều hơn gà mẹ 3 con. Hỏi Trên sân có tất cả bao nhiêu con gà?

7

8

13

Câu 23: Tìm y, biết: y – 9 = 11 - 7

Câu 24: Có 6 con chim ở trên cây. Số con chim ở dưới đất nhiều hơn số con chim ở trên cây là 2 con. Hỏi có tất cả bao nhiêu con chim?

8

14

16

Đáp án chủ đề 1

Câu 1: Điền số thích hợp vào phép tính:

$7 + 5 = ...$

A

B

C

D

Câu 2: Thực hiện phép tính:

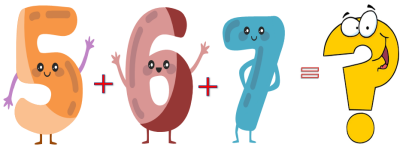

- 18
- 17
- 16

Câu 3: Phép tính đúng là:

A

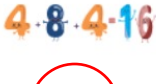
B

C

D

Câu 4: Ba số tiếp theo của dãy số: 2; 4; 6; 8,…;…;… lần lượt là:

A

B

C

D

Câu 5: Viết một dãy số gồm năm số biết đây là một dãy số tăng dần cách nhau 5 đơn vị, bắt đầu từ 0.

- 0; 5; 10; 15; 20
- 0; 10; 15; 20; 25
- 0; 5; 10; 20; 25

Câu 6: Trên cành cây có 8 con chim, một lúc sau có 7 con chim bay đến. Hỏi lúc này trên cành cây có tất cả bao nhiêu con chim?

Câu 7: Kết quả của phép tính 18 - 9 là:

Câu 8: Thực hiện phép tính:

- 3
- 4
- 5

Câu 9: Phép tính đúng là:

A

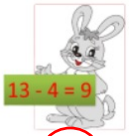

B

C

D

Câu 10: Số còn thiếu trong phép tính bên dưới là:

6

7

8

Câu 11: Một cửa hàng có 17 bộ ly. Cửa hàng đã bán được 8 bộ. Hỏi cửa hàng còn lại bao nhiêu bộ ly?

A

B

C

D

Câu 12: Một đàn gà có 16 con gà con. 7 con đã đi lạc. Hỏi đàn gà còn lại bao nhiêu con gà con?

9 con

10 con

11 con

Câu 13: Hình ảnh nào có số máy bay ít hơn số ô tô 3 chiếc?

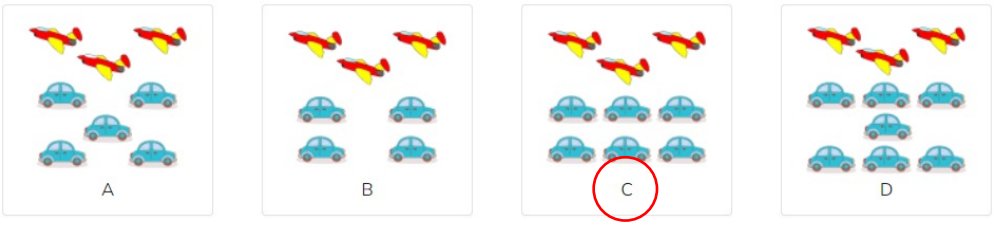

Câu 14: Gà và thỏ, con vật nào có nhiều hơn và nhiều hơn bao nhiêu con?

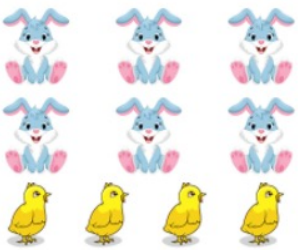

- Gà nhiều hơn thỏ 2 con
- Thỏ nhiều hơn gà 2 con
- Thỏ nhiều hơn gà 3 con

Câu 15: Lan xếp được 8 bông hoa. Mai xếp được ít hơn Lan 3 bông hoa. Hỏi Mai xếp được bao nhiêu bông hoa?

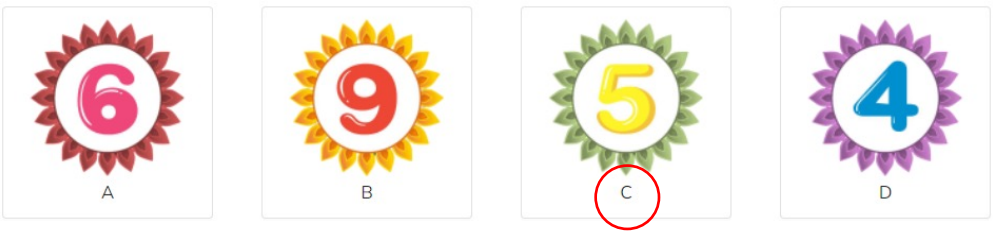

Câu 16: Trên sân có 5 con gà con. Số gà con nhiều hơn gà mẹ 3 con. Hỏi có bao nhiêu con gà mẹ?

- 2 con
- 7 con
- 3 con

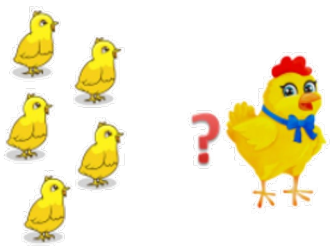

Câu 17: Mẹ có 5 quả táo. Bà có 7 quả táo. Hỏi mẹ ít hơn bà bao nhiêu quả táo?

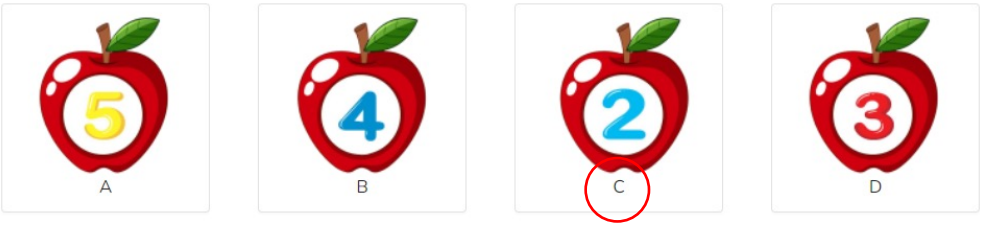

Câu 18: Lớp 2/5 có 20 học sinh nữ. Lớp 2/6 nhiều hơn lớp 2/5 là 3 học sinh nữ. Hỏi lớp 2/6 có bao nhiêu học sinh nữ?

- 22 học sinh
- 23 học sinh
- 27 học sinh

Câu 19: Tìm x, biết: 5 + x = 14

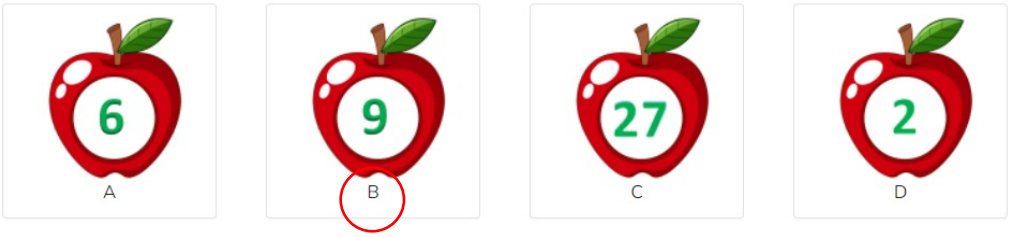

Câu 20: Điền ba số giống nhau vào vị trí con thỏ cho thích hợp:

- 6
- 5
- 4

Câu 21: Điền số thích hợp vào chỗ trống: 15 - ... > 9

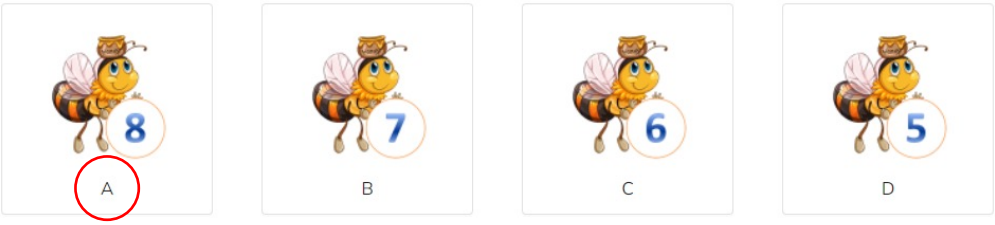

Câu 22: Trên sân có 5 con gà con. Số gà con nhiều hơn gà mẹ 3 con. Hỏi Trên sân có tất cả bao nhiêu con gà?

- 7
- 8
- 13

Câu 23: Tìm y, biết: y – 9 = 11 - 7

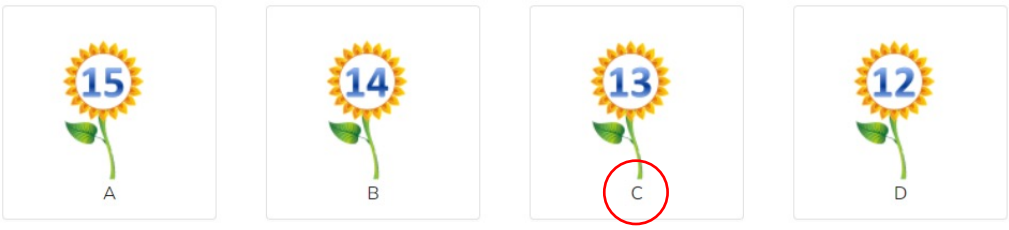

Câu 24: Có 6 con chim ở trên cây. Số con chim ở dưới đất nhiều hơn số con chim ở trên cây là 2 con. Hỏi có tất cả bao nhiêu con chim?

- 8
- 14
- 16

Chủ đề 2: Cộng trừ trong phạm vi 100. Hình phẳng. Thời gian

I. Kiến thức trọng tâm

1. Phép cộng có nhớ trong phạm vi 100

+ Thực hiện cộng các chữ số từ phải sang trái.

+ Với lượt cộng có kết quả là số có hai chữ số, ta viết chữ số bên phải và chữ số bên trái thì ta nhớ qua lượt cộng tiếp theo.

+ Trong lượt cộng tiếp theo, cộng thêm nhớ vào kết quả của lượt cộng đó.

→Ví dụ: Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

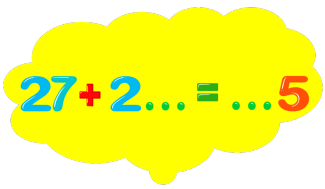

Giải

- Trong lượt cộng thứ nhất ta lấy 7 + . . . = 5

+ Vì 7 > 5, nên 7 + . . . = 15, ta viết 5 và nhớ 1 sang lượt cộng tiếp theo.

+ Và 7 + 8 = 15, nên số cần điền đầu tiên là 8.

- Trong lượt cộng thứ hai, ta lấy 2 + 2 = 4, thêm 1 nhớ = 5, viết 5.

Vậy các số cần điền vào chỗ chấm lần lượt là 8 và 5.

2. Phép trừ có nhớ trong phạm vi 100

+ Thực hiện trừ các chữ số từ phải sang trái.

+ Với lượt trừ có số bị trừ nhỏ hơn số trừ, ta mượn thêm 1 chục để trừ. Sau khi trừ ta trả 1 vào số tiếp theo của số trừ.

+ Trong lượt trừ tiếp theo, cộng thêm nhớ vào số trừ. Sau đó mới lấy số bị trừ trừ đi kết quả vừa cộng.

→ Ví dụ: Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

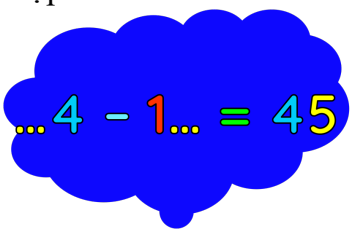

Giải

- Trong lượt trừ thứ nhất ta lấy 4 - . . . = 5

+ Vì 4 < 5, nên ở lượt trừ này ta phải mượn rồi lấy 14 - . . . = 5, ta viết 5 và nhớ 1 vào số 1 của số trừ.

+ Và 14 - 9 = 5, nên số cần điền vào sau số 1 là 9.

- Trong lượt trừ thứ hai, ta lấy 1 thêm 1 nhớ = 2, sau đó mới lấy

. . . – 2 = 4

+ Và 6 – 2 = 4, vậy số cần điền vào trước số 4 là số 6

Vậy các số cần điền vào chỗ chấm lần lượt là 6 và 9.

3. Điểm, đoạn thẳng, đường thẳng

- Điểm là một chấm nhỏ đánh dấu vị trí của điểm đó. Điểm thường được đặt tên bằng các chữ cái in hoa.
- Đoạn thẳng nối hai điểm bất kì. Hai điểm đó gọi là hai đầu của đoạn thẳng và cách đọc tên đoạn thẳng là đọc tên hai điểm của đoạn thẳng.

- Đường thẳng kéo dài mãi mãi và không bị hạn chế bởi các điểm trên đường thẳng đó.

→ Ví dụ: Có bao nhiêu điểm, bao nhiêu đoạn thẳng và bao nhiêu đường thẳng?

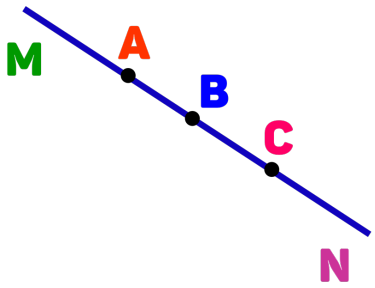

Giải

+ Trong hình trên ta thấy có **3** chấm tròn tương ứng với **3** điểm đó là điểm A, điểm B và điểm C.

+ Đoạn thẳng nối hai điểm. Vậy có các đoạn thẳng là AB; BC; AC

+ Đường thẳng không bị giới hạn bởi các điểm và chỉ có một đường thẳng là đường thẳng MN.

Vậy có **3** điểm, **3** đoạn thẳng và **1** đường thẳng.

4. Ba điểm thẳng hàng

- Ba điểm cùng nằm trên một đường thẳng là ba điểm thẳng hàng.

→ Ví dụ: Có bao nhiêu bộ ba điểm thẳng hàng trong hình dưới đây.

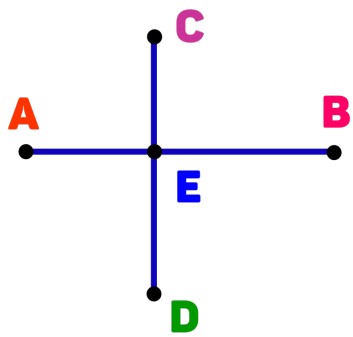

Giải

+ Trong hình trên ta thấy A, E, B cùng nằm trên một đường thẳng và C, E, D cũng cùng nằm trên một đường thẳng.

Vậy có 2 bộ ba điểm thẳng hàng.

5. Thời gian

1 giờ = 60 phút 1 ngày = 24 giờ 1 tuần = 7 ngày

- Đề đổi giờ từ khung 12 giờ sang khung 24 giờ, ta lấy số giờ + 12
- Để đổi giờ từ khung 24 giờ sang khung 12 giờ, ta lấy số giờ - 12
- Để đổi từ giờ sang phút, ta lấy số giờ x 60. Ngược lại đổi từ phút sang giờ, ta lấy số phút chia cho 60.
- Để đổi từ ngày sang giờ, ta lấy số ngày x 24. Ngược lại đổi từ giờ sang ngày ta lấy số giờ chia cho 24.

→ Ví dụ: Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

3 ngày = . . . giờ?

Giải:

Ta có: 3 x 24 = 72

Vậy 3 ngày = 72 giờ

Bộ câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1: Kết quả của phép tính 35 + 35 là:

A. 55

B. 60

C. 65

D. 70

Câu 2: Điền số thích hợp vào chỗ chấm

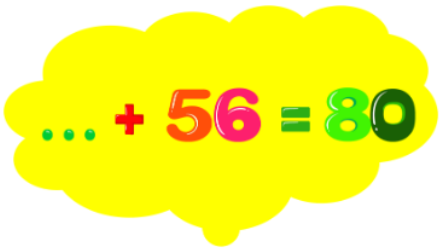

- 34
- 24
- 14

Câu 3: Có 24 quả cam và 28 quả táo. Hỏi có tất cả bao nhiêu quả cam và táo?

A. 52

B. 42

C. 58

D. 48

Câu 4: Thực hiện tính nhanh với phép tính sau:

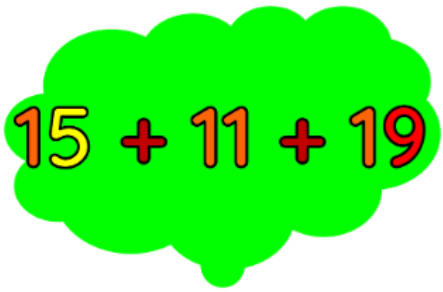

- 15 + 11 + 19 = 26 + 19 = 45
- 15 + 11 + 19 = 34 + 11 = 45
- 15 + 11 + 19 = 15 + 30 = 45

Câu 5: Cho phép tính: "5 . . . + 36 = . . . 4". Các số còn thiếu lần lượt là:

A

B

C

D

Câu 6: Thực hiện phép tính và cho biết kết quả của phép tính là:

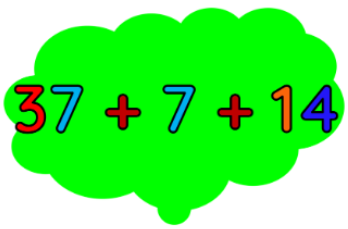

48

58

45

Câu 7: Kết quả của phép tính 75 - 68 là:

A

B

C

D

Câu 8: Điền số thích hợp vào chỗ chấm

73

83

67

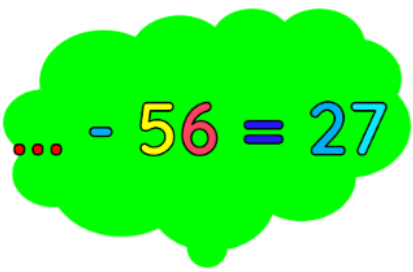

Câu 9: Mẹ có 45 quả trứng. Mẹ đã bán đi 28 quả trứng. Hỏi mẹ còn lại bao nhiêu quả trứng?

A

B

C

D

Câu 10: Kết quả phép tính sau là:

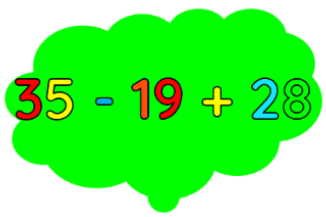

34

40

44

Câu 11: Cho phép tính: "5 . . . - 36 = . . . 6". Các số còn thiếu lần lượt là:

A

B

C

D

Câu 12: Các số còn thiếu trong phép tính "31 - 2. . . = . . . 5" lần lượt là:

A

B

C

D

Câu 13: Hình nào có 3 điểm, 3 đoạn thẳng và 1 đường thẳng?

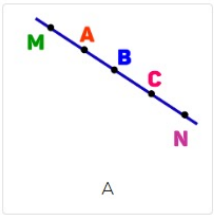

A

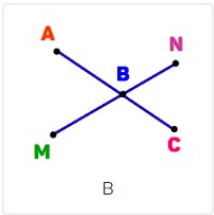

B

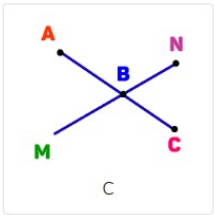

C

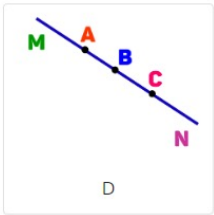

D

Câu 14: Trong hình ảnh này có bao nhiêu điểm và bao nhiêu đoạn thẳng?

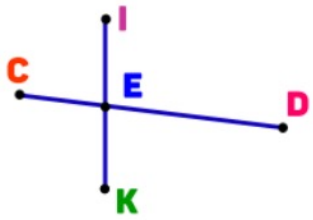

- 5 điểm, 5 đoạn thẳng
- 5 điểm, 6 đoạn thẳng
- 6 điểm, 6 đoạn thẳng

Câu 15: Hình có 5 điểm, 6 đoạn thẳng và 1 đường thẳng là:

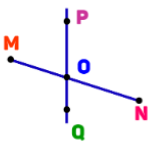

A

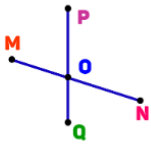

B

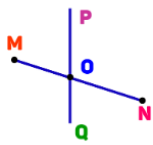

C

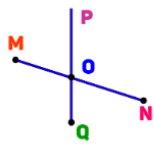

D

Câu 16: Có bao nhiêu bộ 3 điểm thẳng hàng và bao nhiêu bộ 3 điểm không thẳng hàng?

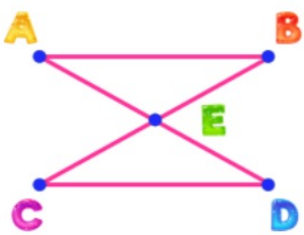

- 2 bộ ba điểm thẳng hàng và 7 bộ ba điểm không thẳng hàng
- 2 bộ ba điểm thẳng hàng và 8 bộ ba điểm không thẳng hàng
- 3 bộ ba điểm thẳng hàng và 6 bộ ba điểm không thẳng hàng

Câu 17: Hình ảnh nào có 3 bộ ba điểm không thẳng hàng?

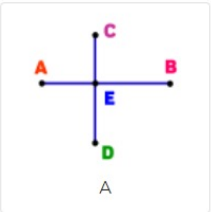

A

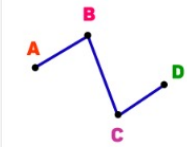

B

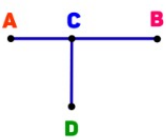

C

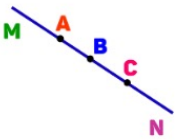

D

Câu 18: Trong hình này có mấy bộ 3 điểm thẳng hàng?

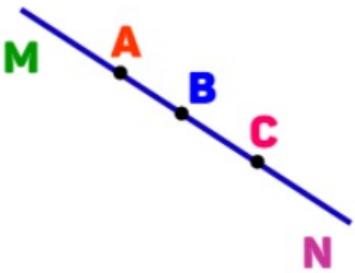

1

2

3

Câu 19: Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

2 ngày = . . . giờ?

A

B

C

D

Câu 20: Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

60

90

120

Câu 21: Chuyến tàu mất 8 giờ để đi từ ga Sài Gòn đến ga Bồng Sơn. Chuyến tàu khởi hành lúc 7 giờ sáng. Hỏi đến mấy giờ chiều thì tàu đến ga Bồng Sơn?

Câu 22: Hãy chọn câu trả lời đúng

- Ngày 7 tháng 3
- Ngày 1 tháng 3
- Ngày 1 tháng 4

Câu 23: Nếu ngày 15 tháng 2 là thứ 3 thì thứ 3 tuần sau là ngày nào của tháng 2?

Câu 24: Biết rằng tháng đó là một tháng có 31 ngày

- Ngày 3; 10; 17; 24 và 31
- Ngày 4; 11; 18; 25 và 30
- Ngày 4; 10; 17; 24 và 30

Đáp án chủ đề 2

Câu 1: Kết quả của phép tính 35 + 35 là:

A. 55
B. 60
C. 65
D. 70 ✓

Câu 2: Điền số thích hợp vào chỗ chấm

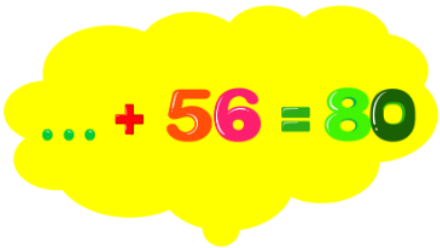

34
24 ✓
14

Câu 3: Có 24 quả cam và 28 quả táo. Hỏi có tất cả bao nhiêu quả cam và táo?

A. 52 ✓
B. 42
C. 58
D. 48

Câu 4: Thực hiện tính nhanh với phép tính sau:

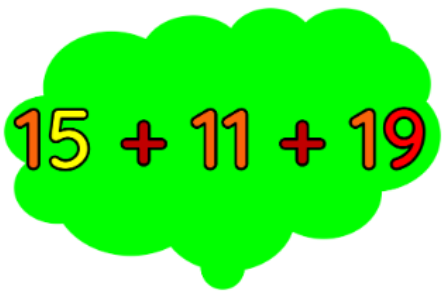

15 + 11 + 19 = 26 + 19 = 45
15 + 11 + 19 = 34 + 11 = 45
15 + 11 + 19 = 15 + 30 = 45 ✓

Câu 5: Cho phép tính: "5 . . . + 36 = . . . 4". Các số còn thiếu lần lượt là:

A

B

C

D

Câu 6: Thực hiện phép tính và cho biết kết quả của phép tính là:

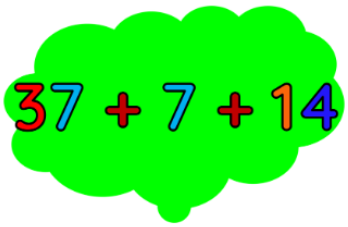

48

58

45

Câu 7: Kết quả của phép tính 75 - 68 là:

A

B

C

D

Câu 8: Điền số thích hợp vào chỗ chấm

73

83

67

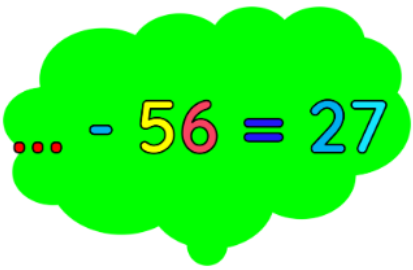

Câu 9: Mẹ có 45 quả trứng. Mẹ đã bán đi 28 quả trứng. Hỏi mẹ còn lại bao nhiêu quả trứng?

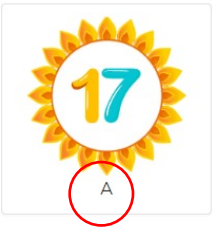

Câu 10: Kết quả phép tính sau là:

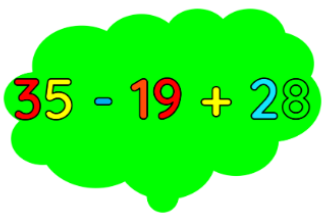

34

40

44

Câu 11: Cho phép tính: "5 . . . - 36 = . . . 6". Các số còn thiếu lần lượt là:

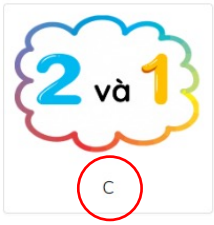

Câu 12: Các số còn thiếu trong phép tính "31 - 2. . . = . . . 5" lần lượt là:

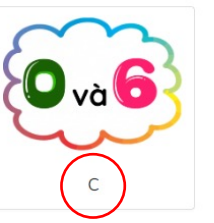

Câu 13: Hình nào có 3 điểm, 3 đoạn thẳng và 1 đường thẳng?

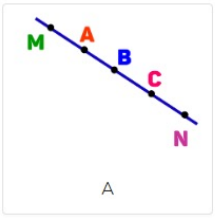

A

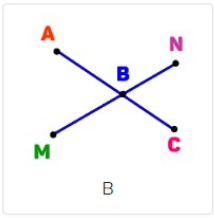

B

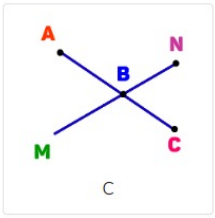

C

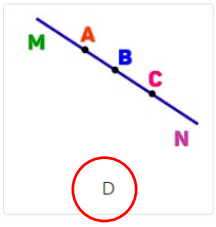

D

Câu 14: Trong hình ảnh này có bao nhiêu điểm và bao nhiêu đoạn thẳng?

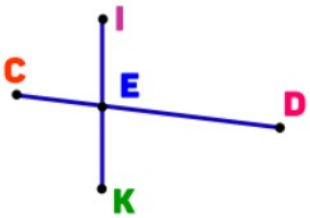

- 5 điểm, 5 đoạn thẳng
- 5 điểm, 6 đoạn thẳng
- 6 điểm, 6 đoạn thẳng

Câu 15: Hình có 5 điểm, 6 đoạn thẳng và 1 đường thẳng là:

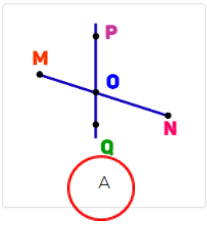

A

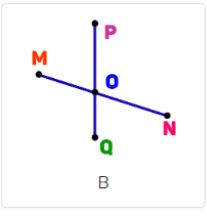

B

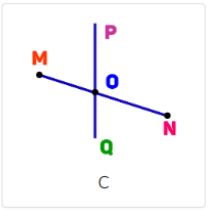

C

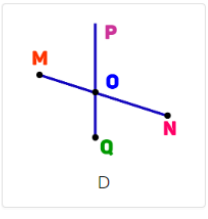

D

Câu 16: Có bao nhiêu bộ 3 điểm thẳng hàng và bao nhiêu bộ 3 điểm không thẳng hàng?

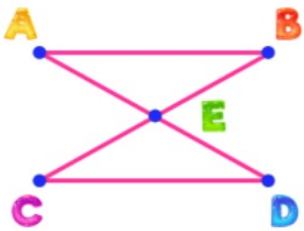

- 2 bộ ba điểm thẳng hàng và 7 bộ ba điểm không thẳng hàng
- 2 bộ ba điểm thẳng hàng và 8 bộ ba điểm không thẳng hàng
- 3 bộ ba điểm thẳng hàng và 6 bộ ba điểm không thẳng hàng

Câu 17: Hình ảnh nào có 3 bộ ba điểm không thẳng hàng?

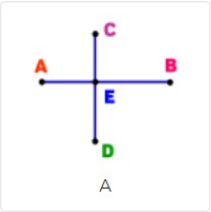

A

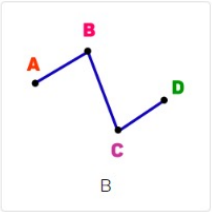

B

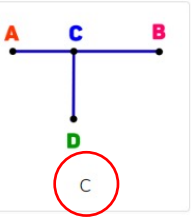

C

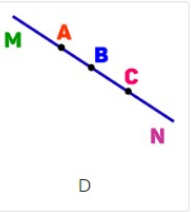

D

Câu 18: Trong hình này có mấy bộ 3 điểm thẳng hàng?

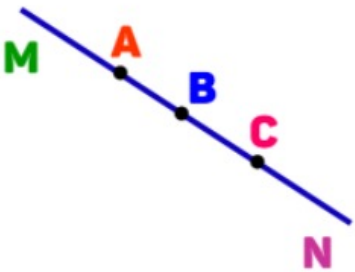

- 1
- 2
- 3

Câu 19: Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

2 ngày = . . . giờ?

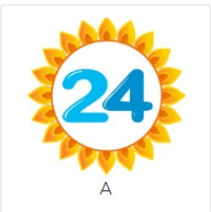

A

B

C

D

Câu 20: Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

- 60
- 90
- 120

Câu 21: Chuyến tàu mất 8 giờ để đi từ ga Sài Gòn đến ga Bồng Sơn. Chuyến tàu khởi hành lúc 7 giờ sáng. Hỏi đến mấy giờ chiều thì tàu đến ga Bồng Sơn?

- A. 3 giờ chiều
- B. 15 giờ chiều
- C. 4 giờ chiều
- D. 14 giờ chiều

Câu 22: Hãy chọn câu trả lời đúng

- Ngày 7 tháng 3
- Ngày 1 tháng 3
- Ngày 1 tháng 4

Câu 23: Nếu ngày 15 tháng 2 là thứ 3 thì thứ 3 tuần sau là ngày nào của tháng 2?

- A. Ngày 8
- B. Ngày 12
- C. Ngày 22
- D. Ngày 5

Câu 24: Biết rằng tháng đó là một tháng có 31 ngày

- Ngày 3; 10; 17; 24 và 31
- Ngày 4; 11; 18; 25 và 30
- Ngày 4; 10; 17; 24 và 30

Chủ đề 3: Phép nhân, phép chia

I. Kiến thức trọng tâm

1. Phép nhân, phép chia

+ Từ tổng các số hạng bằng nhau ta viết được phép nhân.

→ Ví dụ: Viết tổng sau thành tích: 5 + 5 + 5 + 5

Giải

Trong tổng 5 + 5 + 5 + 5 có 4 số hạng là 5.

Vậy ta có tích là 5 x 4

+ Các tích liền kề nhau trong bảng nhân 2 thì hơn kém nhau 2 đơn vị.

+ Các tích liền kề nhau trong bảng nhân 5 thì hơn kém nhau 5 đơn vị.

+ Dấu hiệu nhận biết phép chia là từ "chia" hoặc "chia đều".

2. Hình học

+ Khối trụ

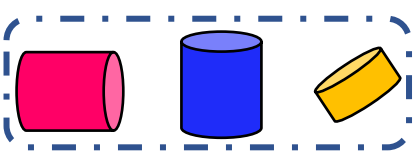

+ Khối cầu

+ Hình tứ giác

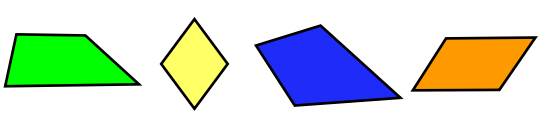

3. Tìm thành phần chưa biết trong phép tính

+ Tìm số bị chia: Muốn tìm số bị chia ta lấy thương nhân với số chia.

+ Tìm số chia: Muốn tìm số chia ta lấy số bị chia chia cho thương.

→Ví dụ 1: Tìm x, biết 35 : x = 5

Giải

- Trong phép tính trên x đóng vai trò là số chia. Mà muốn tìm số chia ta phải lấy số bị chia chia cho thương. Nên ta có:

35 : x =5

x = 35 : 5

x = 7

→ Ví dụ 2: Tìm y, biết y : 6 = 2

Giải

- Trong phép tính trên y đóng vai trò là số bị chia. Mà muốn tìm số bị chia ta phải lấy thương nhân với số chia. Nên ta có:

y : 6 = 2

y = 2 x 6

y = 12

Bộ câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1: Viết tổng sau thành tích rồi tính:

$4 + 4 + 4$

A. $4 \times 3 = 12$

B. $4 \times 5 = 20$

C. $4 \times 4 = 12$

D. $4 \times 4 = 16$

Câu 2: Viết phép nhân phù hợp với hình ảnh sau:

- $3 \times 6 = 15$
- $5 \times 3 = 15$
- $5 \times 3 = 16$

Câu 3: Hình ảnh nào phù hợp với phép nhân sau:

$2 \times 4 = 8$

A.

B.

C.

D.

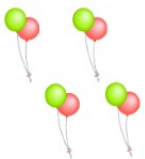

Câu 4: Đâu là cách tính nhanh cho phép tính sau:

$2 + 2 + 3 + 3$

- $= 4 + 3 + 3 = 7 + 3 = 10$
- $= 2 \times 2 + 3 \times 2 = 4 + 6 = 10$
- $= 2 \times 3 + 3 \times 2 = 6 + 6 = 12$

Câu 5: Phép tính nào có kết quả là 12?

A

B

C

D

Câu 6: Điền số thích hợp vào chỗ chấm để:

10

9

8

Câu 7: Trong phép chia 4 = 28 : 7, đâu là số chia?

A

B

C

D

Câu 8: Viết phép chia phù hợp với tình huống sau:

Mẹ chia đều 35 quả trứng vào các giỏ, mỗi giỏ mẹ có 5 quả trứng, thì mẹ có 7 giỏ trứng.

35 : 5 = 7

35 : 7 = 5

5 x 7 = 35

Câu 9: Lớp 2/3 có 30 học sinh, xếp thành các hàng, mỗi hàng có 5 học sinh. Hỏi lớp 2/3 xếp thành bao nhiêu hàng?

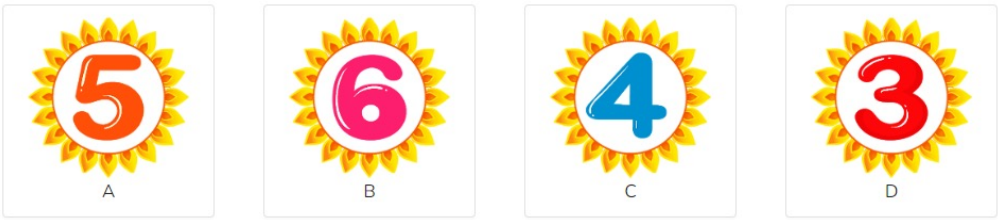

Câu 10: Kết quả của phép tính sau là:

9

10

8

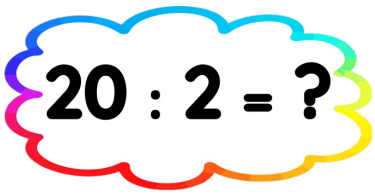

Câu 11: Phép tính nào có kết quả là 5?

Câu 12: Điền số thích hợp vào chỗ chấm để:

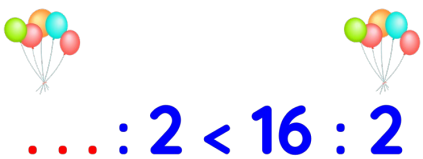

18

16

14

Câu 13: Vật nào dưới đây có dạng khối cầu?

A

B

C

D

Câu 14: Có tất cả bao nhiêu vật có dạng khối cầu?

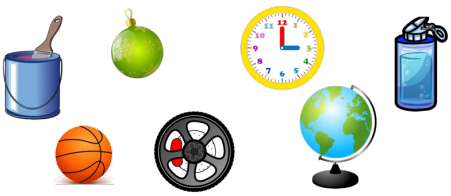

2

3

4

Câu 15: Sử dụng khối nào để vẽ được hình vuông?

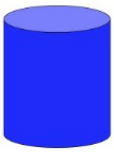
A

B

C

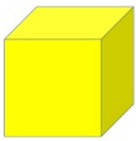
D

Câu 16: Hình tiếp theo là khối gì?

Khối cầu

Khối lập phương

Khối trụ

Câu 17: Cần dùng ít nhất bao nhiêu cây bút chì để xếp thành một hình tứ giác?

A

B

C

D

Câu 18: Có bao nhiêu hình tứ giác trong hình dưới đây?

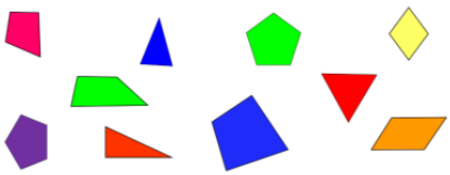

5

6

7

Câu 19: Tìm x, biết: x : 5 = 15 - 6

A

B

C

D

Câu 20: Tìm y, biết:

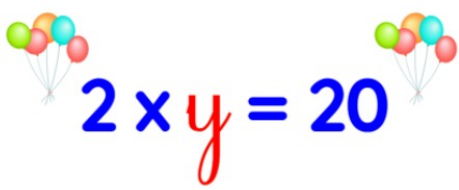

8

10

9

Câu 21: Tìm x, biết: x : 5 = 12 : 2

Câu 22: Hãy chọn câu trả lời đúng.

5

6

7

Câu 23: Có 30 người cần qua sông. Biết mỗi thuyền chở được 6 người (kể người lái đò). Hỏi cần ít nhất mấy chuyến để chở hết số người đó?

Câu 24: Viết tích sau thành tổng rồi tính:

= 21 + 21 + 21 + 21 + 21 + 21 = 105

= 21 + 21 + 21 + 21 + 21 = 115

= 21 + 21 + 21 + 21 + 21 = 105

Đáp án chủ đề 3

Câu 1: Viết tổng sau thành tích rồi tính:

$4 + 4 + 4$

A	B	C	D
4 x 3 = 12	4 x 5 = 20	4 x 4 = 12	4 x 4 = 16

Câu 2: Viết phép nhân phù hợp với hình ảnh sau:

- 3 x 6 = 15
- 5 x 3 = 15
- 5 x 3 = 16

Câu 3: Hình ảnh nào phù hợp với phép nhân sau:

$2 \times 4 = 8$

A	B	C	D
			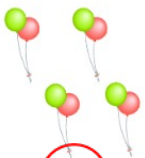

Câu 4: Đâu là cách tính nhanh cho phép tính sau:

$2 + 2 + 3 + 3$

- $= 4 + 3 + 3 = 7 + 3 = 10$
- $= 2 \times 2 + 3 \times 2 = 4 + 6 = 10$
- $= 2 \times 3 + 3 \times 2 = 6 + 6 = 12$

Câu 5: Phép tính nào có kết quả là 12?

Câu 6: Điền số thích hợp vào chỗ chấm để:

- 10
- 9
- 8

Câu 7: Trong phép chia 4 = 28 : 7, đâu là số chia?

Câu 8: Viết phép chia phù hợp với tình huống sau:

Mẹ chia đều 35 quả trứng vào các giỏ, mỗi giỏ mẹ có 5 quả trứng, thì mẹ có 7 giỏ trứng.

- 35 : 5 = 7
- 35 : 7 = 5
- 5 x 7 = 35

Câu 9: Lớp 2/3 có 30 học sinh, xếp thành các hàng, mỗi hàng có 5 học sinh. Hỏi lớp 2/3 xếp thành bao nhiêu hàng?

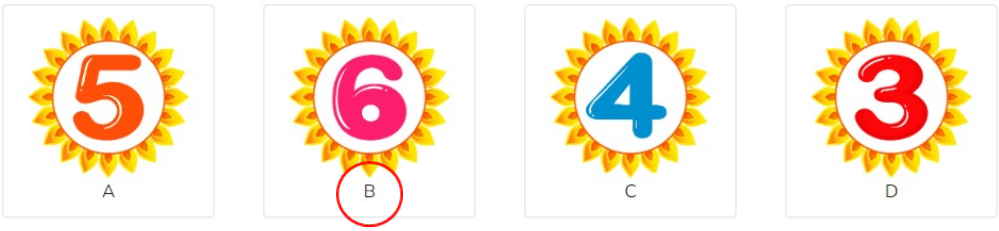

Câu 10: Kết quả của phép tính sau là:

- 9
- 10
- 8

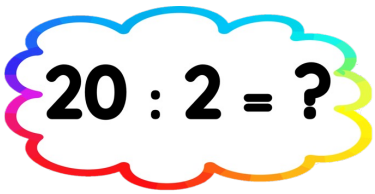

Câu 11: Phép tính nào có kết quả là 5?

Câu 12: Điền số thích hợp vào chỗ chấm để:

- 18
- 16
- 14

Câu 13: Vật nào dưới đây có dạng khối cầu?

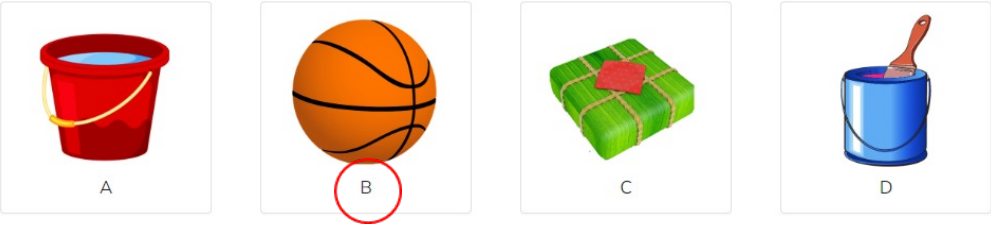

Câu 14: Có tất cả bao nhiêu vật có dạng khối cầu?

- 2
- 3
- 4

Câu 15: Sử dụng khối nào để vẽ được hình vuông?

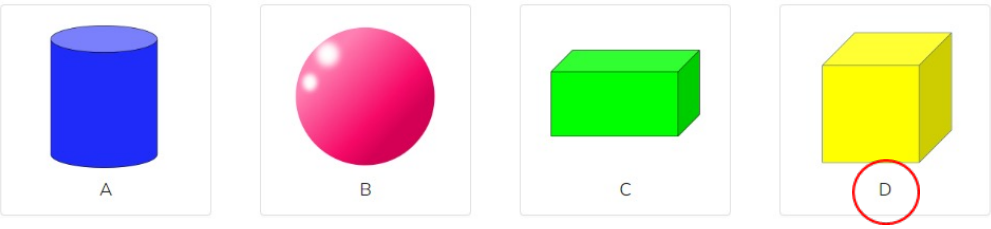

Câu 16: Hình tiếp theo là khối gì?

- Khối cầu
- Khối lập phương
- Khối trụ

Câu 17: Cần dùng ít nhất bao nhiêu cây bút chì để xếp thành một hình tứ giác?

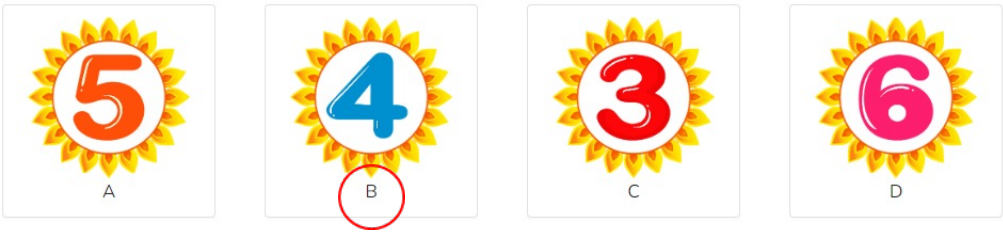

Câu 18: Có bao nhiêu hình tứ giác trong hình dưới đây?

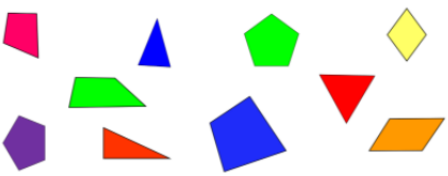

- 5
- 6
- 7

Câu 19: Tìm x, biết: x : 5 = 15 - 6

Câu 20: Tìm y, biết:

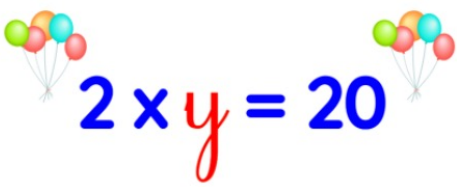

- 8
- 10
- 9

Câu 21: Tìm x, biết: x : 5 = 12 : 2

A. 30

B. 10

C. 40

D. 20

Câu 22: Hãy chọn câu trả lời đúng.

5

6

7

Câu 23: Có 30 người cần qua sông. Biết mỗi thuyền chở được 6 người (kể người lái đò). Hỏi cần ít nhất mấy chuyến để chở hết số người đó?

A. 3

B. 4

C. 5

D. 6

Câu 24: Viết tích sau thành tổng rồi tính:

= 21 + 21 + 21 + 21 + 21 + 21 = 105

= 21 + 21 + 21 + 21 + 21 = 115

= 21 + 21 + 21 + 21 + 21 = 105

Chủ đề 4: Cộng, trừ phạm vi 1000

I. Kiến thức trọng tâm

1. Phép cộng, phép trừ trong phạm vi 1000

- Thực hiện cộng (trừ) các số lần lượt từ phải sang trái.

+ Với phép cộng có nhớ, nhớ vào số liền trước của lượt cộng có nhớ.

+ Với phép trừ có nhớ, nhớ vào số liền trước lượt trừ có nhớ của số trừ.

→ Ví dụ:

```
  234
+ 158
  392
```

- 4 cộng 8 bằng 12, viết 2 nhớ 1.
- 3 cộng 5 bằng 8, thêm 1 bằng 9, viết 9.
- 2 cộng 1 bằng 3, viết 3.

```
  538
- 146
  392
```

- 8 trừ 6 bằng 2, viết 2.
- 3 không trừ được 4, lấy 13 trừ 4 bằng 9, viết 9 nhớ 1.
- 1 thêm 1 bằng 2, 5 trừ 2 bằng 3, viết 3.

2. Tìm thành phần chưa biết trong phép tính

+ Tìm số hạng: Muốn tìm số hạng chưa biết, ta lấy tổng trừ đi số hạng kia.

+ Tìm số bị trừ: Muốn tìm số bị trừ ta lấy hiệu cộng với số trừ.

+ Tìm số trừ: Muốn tìm số trừ ta lấy số bị trừ trừ đi hiệu.

→ Ví dụ 1: Tìm x, biết x + 629 = 725

Giải

- Trong phép tính trên x đóng vai trò là số hạng. Muốn tìm số hạng chưa biết, ta lấy tổng trừ đi số hạng kia. Nên ta có:

$$x + 629 = 725$$

$$x = 725 - 629$$

$$x = 96$$

→ Ví dụ 2: Tìm y, biết y - 643 = 261

Giải

- Trong phép tính trên y đóng vai trò là số bị trừ. Mà muốn tìm số bị trừ ta lấy hiệu cộng với số trừ. Nên ta có:

$$y - 643 = 261$$

$$y = 261 + 643$$

$$y = 904$$

→ Ví dụ 3: Tìm x, biết 521 – x = 431

Giải

- Trong phép tính trên x đóng vai trò là số trừ. Mà muốn tìm số trừ ta lấy số bị trừ trừ đi hiệu. Nên ta có:

$$521 - x = 431$$

$$x = 521 - 431$$

$$x = 90$$

Bộ câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1: Số nào trong các số dưới đây được đọc là:

Hai trăm tám mươi

A	B	C	D
258	281	285	280

Câu 2: Số dưới đây được đọc là:

- A. Bốn trăm linh tư
- B. Bốn trăm bốn
- C. Cả A và B đều đúng

Câu 3: Viết số, biết số đó gồm 6 chục, 3 trăm và 2 đơn vị

A	B	C	D
362	263	632	623

Câu 4: Phép tính nào có cùng kết quả với phép tính sau:

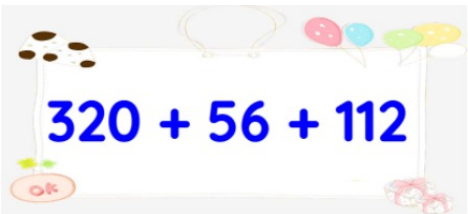

- 124 + 64 + 212
- 352 + 12 + 124
- 267 + 230 + 101

Câu 5: Tính tổng của 112, 104 và 161

A	B	C	D
387	388	378	377

Câu 6: Viết thêm 3 số thích hợp vào chỗ chấm:

- 400; 500; 600
- 500; 450; 400
- 400; 450; 500

Câu 7: Tính tổng của số lớn nhất có hai chữ số và số nhỏ nhất có ba chữ số khác nhau.

- A. 198
- B. 200
- C. 201
- D. 221

Câu 8: Phép tính nào có kết quả lớn hơn kết quả của phép tính dưới đây?

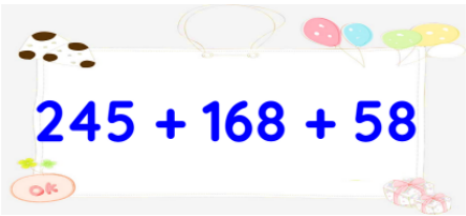

- 257 + 84 + 100
- 158 + 198 + 146
- 66 + 287 + 112

Câu 9: Tính hiệu của 678, 89 và 364

- A. 253
- B. 325
- C. 225
- D. 235

Câu 10: Hãy chọn câu trả lời đúng.

Tính hiệu của số lớn nhất có ba chữ số và số lớn nhất có hai chữ số khác nhau

- 801
- 900
- 901

Câu 11: Trên cánh đồng A thu hoạch được 335kg táo và nhiều hơn cánh đồng B 58kg táo. Hỏi cánh đồng B thu hoạch được bao nhiêu ki – lô – gam táo?

A. 247
B. 244
C. 274
D. 277

Câu 12: Tìm x, biết:

$x + 156 = 487 - 89$

242
554
224

Câu 13: Tính hiệu của số lớn nhất có ba chữ số khác nhau và số lớn nhất có hai chữ số khác nhau.

A. 898
B. 889
C. 899
D. 888

Câu 14: Phép tính nào có kết quả lớn hơn kết quả của phép tính dưới đây?

$245 - 168 - 58$

257 - 84 - 169
358 - 198 - 146
366 - 287 - 12

Câu 15: Tính tổng của số lớn nhất có hai chữ số và số bé nhất có hai chữ số được lập từ các số 6, 8 và 9.

A. 154
B. 165
C. 156
D. 145

Câu 16: Tính: 451km + 89km = ?

A. 540dm
B. 540km
C. 440km
D. 450km

Câu 17: Phép tính nào có cùng kết quả với phép tính dưới đây?

237m - 180m + 76m

- 334m + 67m - 268m
- 640km - 426km - 81km
- 428m - 389m + 45m

Câu 18: Điền số thích hợp vào chỗ chấm: 7m = . . .cm

A. 7000
B. 700
C. 7100
D. 70

Câu 19: Phép tính nào có cùng kết quả với phép tính dưới đây?

217g - 83g + 156g

- 640g – 426g + 81g
- 138g + 67g + 85g
- 428g + 389g - 545g

Câu 20: Một quả tạ nặng 5kg và 1 bao gạo nặng 50kg cùng bỏ lên cán cân thăng bằng. Hỏi cần có mấy quả tạ để hai bên cân bằng nhau?

A. 10
B. 9
C. 8
D. 7

Câu 21: Phép tính nào có kết quả là:

- 801g – 451g
- 789kg – 339kg
- 195kg + 155kg

Câu 22: Có một can 5 lít và một can 3 lít. Hỏi làm thế nào để đong được 2 lít nước từ hai can đó

- Đổ đầy nước vào can 5 lít, rồi đổ nước trong can 5 lít vào can 3 lít, cho đến khi can 3 lít đầy.
- Đổ đầy nước vào can 3 lít rồi đổ hết nước trong can 3 lít vào can 5 lít
- Đổ đầy nước vào can 5 lít rồi đổ hết nước trong can 5 lít vào can 3 lít.

Câu 23: Trong hình ảnh nào có ít cây thước nhất?

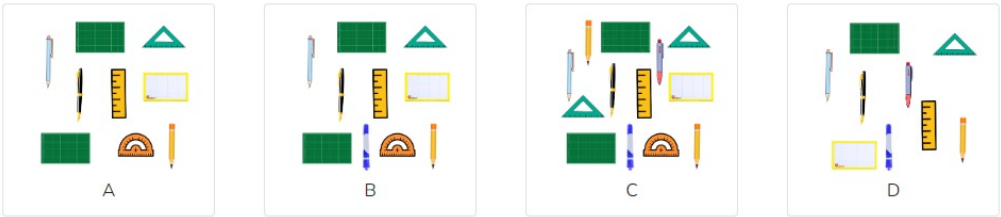

Câu 24: Quan sát hình ảnh và cho biết đồ vật nào có nhiều nhất?

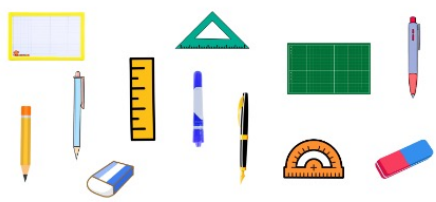

- Cục tẩy
- Thước
- Bút

Câu 25: Có tất cả 28 đồ vật bao gồm 4 loại màu: xanh, đỏ, tím, vàng. Biết rằng mỗi loại có ít nhất 5 vật, nhiều nhất 9 vật và số vật của mỗi loại màu là khác nhau. Hỏi có bao nhiêu vật màu đỏ, nếu màu đỏ có ít vật nhất.

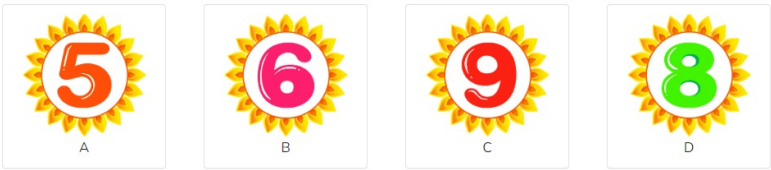

Câu 26: Dựa vào sơ đồ tranh, có tất cả bao nhiêu quả các loại?

- 9 quả
- 3 quả
- 8 quả

Câu 27: Dựa vào biểu đồ tranh, cho biết loại trái cây nào ít nhất?

- Táo
- Xoài
- Lê

Câu 28: Trên bàn có các loại trái cây sau. Bịt mắt và chọn 2 quả. Chọn câu sai trong các câu dưới đây.

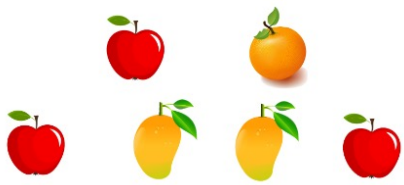

- Hai quả có thể đều là táo
- Hai quả không thể có 1 quả mận
- Hai quả có thể đều là cam

Đáp án chủ đề 4

Câu 1: Số nào trong các số dưới đây được đọc là:

Hai trăm tám mươi

A	B	C	D
258	281	285	280

Câu 2: Số dưới đây được đọc là:

- A. Bốn trăm linh tư
- B. Bốn trăm bốn
- C. Cả A và B đều đúng

Câu 3: Viết số, biết số đó gồm 6 chục, 3 trăm và 2 đơn vị

A	B	C	D
362	263	632	623

Câu 4: Phép tính nào có cùng kết quả với phép tính sau:

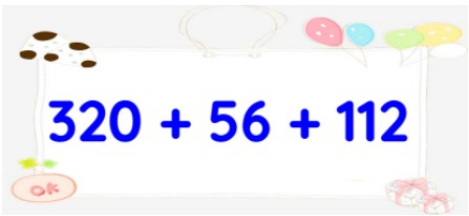

- 124 + 64 + 212
- 352 + 12 + 124
- 267 + 230 + 101

Câu 5: Tính tổng của 112, 104 và 161

A	B	C	D
387	388	378	377

Câu 6: Viết thêm 3 số thích hợp vào chỗ chấm:

- 400; 500; 600
- 500; 450; 400
- 400; 450; 500

Câu 7: Tính tổng của số lớn nhất có hai chữ số và số nhỏ nhất có ba chữ số khác nhau.

- A. 198
- B. 200
- C. 201
- D. 221

Câu 8: Phép tính nào có kết quả lớn hơn kết quả của phép tính dưới đây?

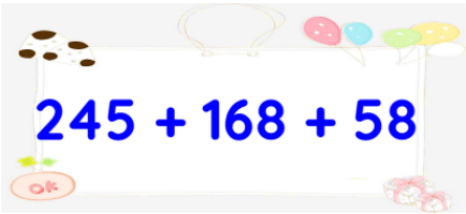

- 257 + 84 + 100
- 158 + 198 + 146
- 66 + 287 + 112

Câu 9: Tính hiệu của 678, 89 và 364

- A. 253
- B. 325
- C. 225
- D. 235

Câu 10: Hãy chọn câu trả lời đúng.

Tính hiệu của số lớn nhất có ba chữ số và số lớn nhất có hai chữ số khác nhau

- 801
- 900
- 901

Câu 11: Trên cánh đồng A thu hoạch được 335kg táo và nhiều hơn cánh đồng B 58kg táo. Hỏi cánh đồng B thu hoạch được bao nhiêu ki – lô – gam táo?

A	B	C	D
247	244	274	277

Câu 12: Tìm x, biết:

$x + 156 = 487 - 89$

- 242
- 554
- 224

Câu 13: Tính hiệu của số lớn nhất có ba chữ số khác nhau và số lớn nhất có hai chữ số khác nhau.

A	B	C	D
898	889	899	888

Câu 14: Phép tính nào có kết quả lớn hơn kết quả của phép tính dưới đây?

$245 - 168 - 58$

- 257 - 84 - 169
- 358 - 198 - 146
- 366 - 287 - 12

Câu 15: Tính tổng của số lớn nhất có hai chữ số và số bé nhất có hai chữ số được lập từ các số 6, 8 và 9.

A	B	C	D
154	165	156	145

Câu 16: Tính: 451km + 89km = ?

A. 540dm
B. 540km
C. 440km
D. 450km

Câu 17: Phép tính nào có cùng kết quả với phép tính dưới đây?

237m - 180m + 76m

- 334m + 67m - 268m
- 640km - 426km - 81km
- 428m - 389m + 45m

Câu 18: Điền số thích hợp vào chỗ chấm: 7m = . . .cm

A. 7000
B. 700
C. 7100
D. 70

Câu 19: Phép tính nào có cùng kết quả với phép tính dưới đây?

217g - 83g + 156g

- 640g – 426g + 81g
- 138g + 67g + 85g
- 428g + 389g - 545g

Câu 20: Một quả tạ nặng 5kg và 1 bao gạo nặng 50kg cùng bỏ lên cán cân thăng bằng. Hỏi cần có mấy quả tạ để hai bên cân bằng nhau?

A. 10
B. 9
C. 8
D. 7

Câu 21: Phép tính nào có kết quả là:

- 801g – 451g
- 789kg – 339kg
- 195kg + 155kg

Câu 22: Có một can 5 lít và một can 3 lít. Hỏi làm thế nào để đong được 2 lít nước từ hai can đó

- Đổ đầy nước vào can 5 lít, rồi đổ nước trong can 5 lít vào can 3 lít, cho đến khi can 3 lít đầy.
- Đổ đầy nước vào can 3 lít rồi đổ hết nước trong can 3 lít vào can 5 lít
- Đổ đầy nước vào can 5 lít rồi đổ hết nước trong can 5 lít vào can 3 lít.

Câu 23: Trong hình ảnh nào có ít cây thước nhất?

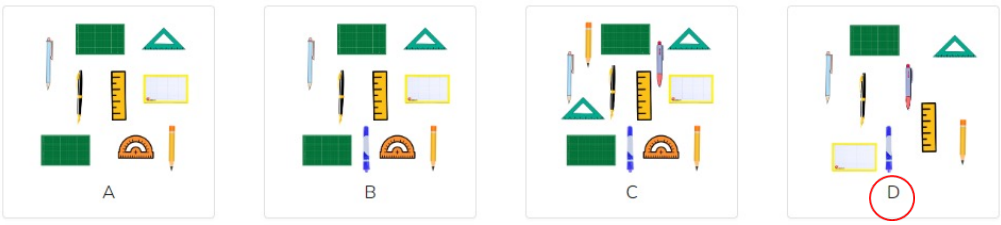

Câu 24: Quan sát hình ảnh và cho biết đồ vật nào có nhiều nhất?

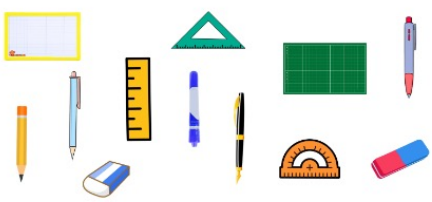

- Cục tẩy
- Thước
- Bút

Câu 25: Có tất cả 28 đồ vật bao gồm 4 loại màu: xanh, đỏ, tím, vàng. Biết rằng mỗi loại có ít nhất 5 vật, nhiều nhất 9 vật và số vật của mỗi loại màu là khác nhau. Hỏi có bao nhiêu vật màu đỏ, nếu màu đỏ có ít vật nhất.

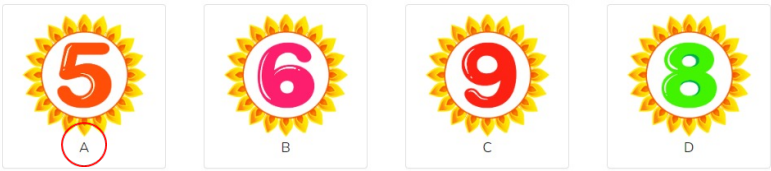

Câu 26: Dựa vào sơ đồ tranh, có tất cả bao nhiêu quả các loại?

- 9 quả
- 3 quả
- 8 quả

Câu 27: Dựa vào biểu đồ tranh, cho biết loại trái cây nào ít nhất?

- Táo
- Xoài
- Lê

Câu 28: Trên bàn có các loại trái cây sau. Bịt mắt và chọn 2 quả. Chọn câu sai trong các câu dưới đây.

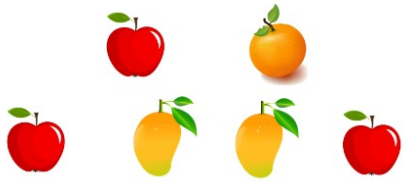

- Hai quả có thể đều là táo
- Hai quả không thể có 1 quả mận
- Hai quả có thể đều là cam

Chủ đề 5: Đồng hồ. Trồng cây. Tuổi

I. Kiến thức trọng tâm

1. Thời gian

- Khoảng cách giữa 2 số liên tiếp nhau trên đồng hồ là 5 phút. Nên để tính nhanh số phút trên đồng hồ, ta lấy:

Số mà kim phút chỉ vào x 5

→ Ví dụ:

Đồng hồ này có kim ngắn chỉ vào số 5 là 5 giờ.

Kim dài chỉ vào số 6, vậy số phút là: 6 x 5 = 30 phút

Vậy đồng hồ đang chỉ 5 giờ 30 phút

- Khi kim phút chỉ vào các số lớn hơn 6 và nhỏ hơn 12 thì đồng hồ đó có cách nói giờ kém.

+ Để nói giờ kém ta dựa vào giờ của đồng hồ. Nếu hiện tại là 6 giờ 40 phút thì giờ kém sẽ là 7 giờ kém 20 phút. Vậy để nói giờ kém ta thực hiện như sau:

(Giờ hiện tại + 1) giờ kém (60 – số phút hiện tại) phút

→Ví dụ: Giờ hiện tại là 7 giờ 35 phút.

Vậy ta có cách nói giờ kém là:

(7+ 1) giờ kém (60 – 35) phút

Vậy đồng hồ đang chỉ 8 giờ kém 25 phút

- Để tính giờ bắt đầu, giờ kết thúc và khoảng thời gian ta sử dụng sơ đồ thời gian.

→ Ví dụ: Hai chiếc đồng hồ dưới đây chỉ thời gian bắt đầu và thời gian kết thúc bữa tiệc sinh nhật của An. Cho biết bữa tiệc đó kéo dài bao lâu?

Bắt đầu

Kết thúc

Giải

Tính bữa tiệc kéo dài trong bao lâu chính là tính khoảng thời gian.

Và ta có thời gian bắt đầu là 2 giờ 30 phút, thời gian kết thúc là 6 giờ 15 phút.

Ta có sơ đồ thời gian như sau

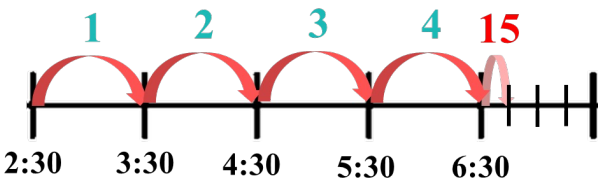

Vậy buổi tiệc kéo dài trong 4 giờ 15 phút.

2. Bài toán trồng cây

- ***Tính khoảng cách:***

+ Bước 1: Xác định số khoảng cách giữa các cây và khoảng cách giữa 2 cây liền kề nhau.

+ Bước 2: Có bao nhiêu khoảng cách thì có bấy nhiêu khoảng cách giữa 2 cây liền kề cộng lại với nhau.

→ Ví dụ: Có 3 cây xanh, khoảng cách giữa 2 cây là 2m. Vậy 2 cây ngoài cùng cách nhau bao nhiêu mét?

Giải

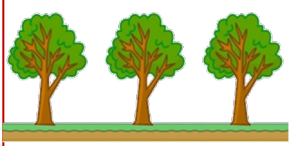

Số khoảng cách của hai cây ngoài cùng là 2 và khoảng cách giữa 2 cây liền kề là 2m.

Vậy ta có hai cây ngoài cùng cách nhau số mét là:

2 + 2 = 4 (m)

Đáp số: 4m

- ***Tính số khoảng cách = Số cây - 1***

→Ví dụ: Với quy luật như hình dưới, cần bao nhiêu ghế giữa 10 cây xanh?

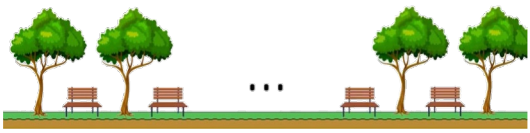

Giải

Theo quy luật ta thấy giữa 2 cây liên tiếp có 1 cái ghế. Vậy tính số cái ghế chính là tính số khoảng cách giữa 10 cây.

Cần số số giữa 10 cây xanh là:

10 – 1 = 9 (ghế)

Đáp số: 9 ghế

3. Bài toán về tuổi

- Tính khoảng cách về tuổi của 2 người = Số tuổi lớn – Số tuổi bé

Lưu ý: Khoảng cách về tuổi của 2 người không thay đổi theo thời gian

→Ví dụ 1: Candy 11 tuổi, bố bạn 36 tuổi. Hỏi sau 5 năm, bố hơn Candy bao nhiêu tuổi?

Giải

Hiện tại bố hơn con số tuổi là:

36 – 11 = 25 (tuổi)

Sau 5 năm nữa thì khoảng cách tuổi giữa bố vfa con không thay đổi và vẫn là 25 tuổi.

Đáp số: 25 tuổi

→ Ví dụ 2: Dì 31 tuổi, mẹ 35 tuổi, Min 7 tuổi. Hỏi bao nhiêu năm nữa thì tổng số tuổi của cả ba người là 100?

Giải

Tổng số tuổi của 3 người là:

31 + 35 + 7 = 73 (tuổi)

Số tuổi cần để tổng số tuổi là 100 là:

100 - 73 = 27 (tuổi)

Số năm cần tìm là:

27 : 3 = 9 (năm)

Vậy sau 9 năm nữa thì tổng số tuổi của 3 người là 100.

Bộ câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1: Đồng hồ nào chỉ 5 giờ kém 10 phút?

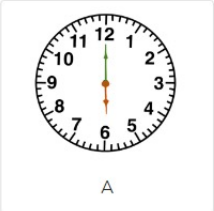

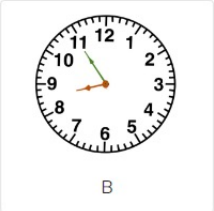

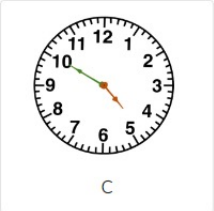

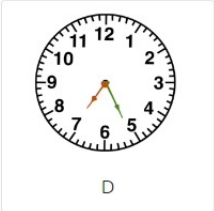

Câu 2: Hãy chọn thời gian chính xác của chiếc đồng hồ này?

- 7 giờ kém 10 phút
- 6 giờ 50 phút
- Cả 2 phương án trên đều đúng

Câu 3: Chiếc đồng hồ dưới đây là hình ảnh phản chiếu qua gương. Hãy chọn thời gian chính xác của chiếc đồng hồ này?

- 6 giờ kém 10 phút
- 7 giờ 10 phút
- 5 giờ 50 phút

Câu 4: Cứ 5 phút có một chuyến tàu điện ngầm tới ga. Hỏi trong 30 phút sẽ có bao nhiêu chuyến tàu điện ngầm tới ga?

- 6 chuyến tàu
- 7 chuyến tàu
- 8 chuyến tàu

Câu 5: Từ 5 giờ 30 phút thì cứ 10 phút sẽ có một chuyến xe khách rời bến. Hỏi từ 5 giờ 30 phút đến 6 giờ 30 phút thì tổng cộng bao nhiêu chuyến xe rời bến?

A

B

C

D

Câu 6: Lớp bạn Linh tổ chức đi tham quan công viên, các bạn học sinh xuất phát từ trường lúc mấy giờ biết các bạn đến công viên lúc 8 giờ 00 và thời gian di chuyển hết 30 phút?

A

B

C

D

Câu 7: Kim giờ và kim phút ở đồng hồ kế tiếp ở vị trí bao nhiêu giờ?

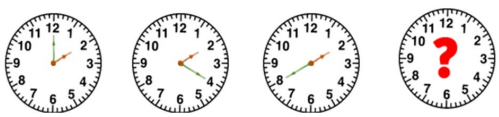

- 2 giờ 00 phút
- 2 giờ 30 phút
- 3 giờ 00 phút

Câu 8: Có bao nhiêu khoảng cách giữa các viên kẹo sau:

- 3 khoảng
- 5 khoảng
- 6 khoảng

Câu 9: Cứ 2 cây xanh thì cách nhau 3 mét, Nếu trồng 1 dãy 5 cây xanh cách đều nhau. Khoảng cách của cây thứ nhất đến cây thứ 5 là bao nhiêu mét?

A

B

C

D

Câu 10: Một toà nhà có 4 tầng tính cả tầng trệt. Mỗi tầng cao 4m, riêng mái nhà cao 2m. Hỏi toà nhà đó cao bao nhiêu?

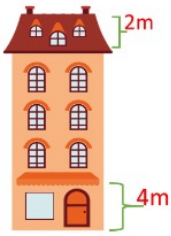

- 15 m
- 10 m
- 18 m

Câu 11: An muốn leo lên nhà ở tầng 4 không tính tầng trệt phải đi lên 36 bậc thang. Mỗi bậc thang của từng lầu đều bằng nhau. Hỏi số bậc thang của mỗi tầng?

A

B

C

D

Câu 12: Một bến xe cứ 5 phút thì có một chuyến xe xuất bến. Hỏi trong 30 phút thì có bao nhiêu xe xuất bến?

- 3 xe
- 6 xe
- 5 xe

Câu 13: Từ hình ảnh, em hãy cho biết thời gian Bình chạy từ nhà đến công viên:

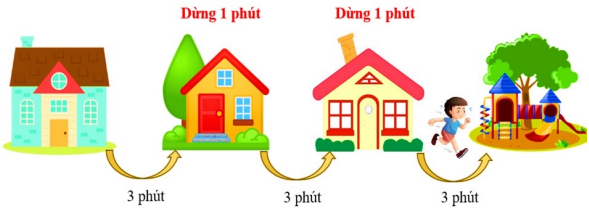

- 11 phút
- 9 phút
- 10 phút

Câu 14: MiMi xếp một số đồng xu thành hình chữ nhật. Mỗi góc của hình chữ nhật là một đồng xu. Và trên cạnh chiều dài của hình chữ nhật có 5 đồng xu, cạnh chiều rộng có 3 đồng xu. Hỏi MiMi dùng bao nhiêu đồng xu để xếp thành hình chữ nhật?

A

B

C

D

Câu 15: Chọn các số sau vào vị trí theo thứ tự phù hợp vào ô trống để tạo thành phép tính cộng:

$$36 + 55 + 14$$
$$= (_____ + _____) + ____$$
$$= 50 + 55$$
$$= 105$$

A	B	C	D
36; 12; 15	14; 36; 55	36; 12; 14	36; 12; 55

Câu 16: Thay số thích hợp vào phép tính sau:

$$27 + 17 + 7$$
$$= (_?_ + 7) + (10 + _?_) + 7$$
$$= 30 + 7 + 7 + 3 + 3 + 1$$
$$= 30 + 10 + 10 + 1 = 51$$

- 19, 11
- 20, 10
- 20, 7

Câu 17: Tính nhanh:

$$44 + 19 + 29$$

- 96
- 92
- 97

Câu 18: Chọn các số thích hợp theo thứ tự phù hợp. Biểu diễn số dưới dạng tổng của 2 số:

47 = ___ + 17 = 27 + ___

A

B

C

D

Câu 19: Chọn số thích hợp vào ô trống để tạo thành phép tính cộng:

2__ + __5 = 39

A

B

C

D

Câu 20: Kết quả của phép tính sau là?

23 + 16 + 57 + 14

- 90
- 100
- 110

Câu 21: Chọn đáp án đúng. Cho phép tính biểu diễn số dưới dạng tổng của 3 số:

- 1, 16, 9, 4
- 19, 19, 6, 4
- 1, 19, 6, 4

24 = _?_ + _?_ + 4

= 14 + _?_ + _?_

Câu 22: Tìm giá trị của cây kem?

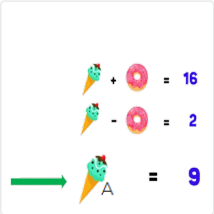

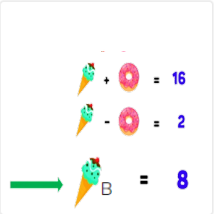

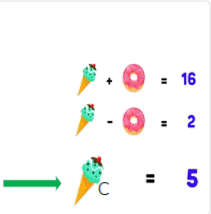

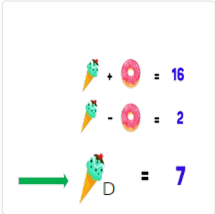

Câu 23: Em hãy tìm giá trị của đám mây?

- 5
- 4
- 6

Câu 24: Tìm bông hoa?

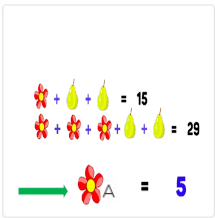

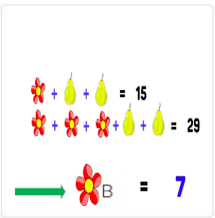

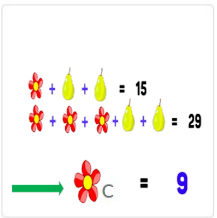

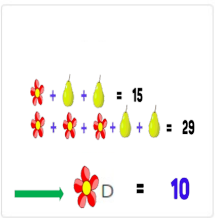

Câu 25: Bé hãy tìm giá trị của ngôi sao?

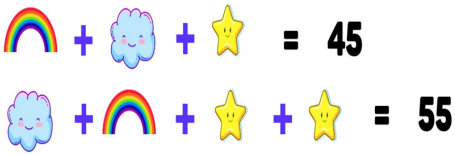

- 20
- 10
- 30

Câu 26: Điền vào dấu ?

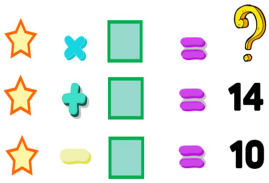

21

27

24

Câu 27: Tìm giá trị của cây kẹo mút?

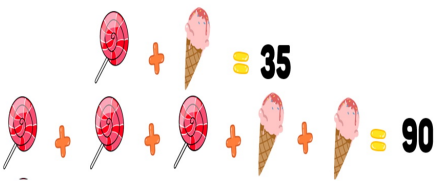

40

35

20

Câu 28: Tìm giá trị quả dâu tây dưới đây?

11

15

20

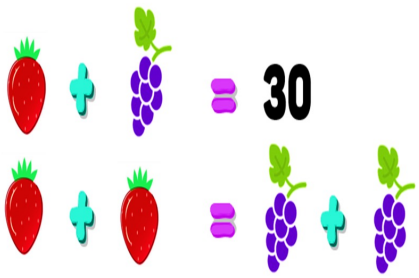

Câu 29: Joe 6 tuổi. Số tuổi của Jack gấp 3 lần số tuổi của Joe. Hỏi Jack bao nhiêu tuổi?

A

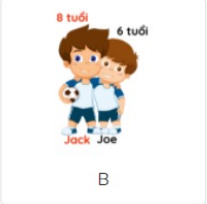

B

C

D

Câu 30: Con 1 tuổi, mẹ 21 tuổi. Hỏi sau bao nhiêu năm tuổi mẹ gấp 6 lần tuổi con?

6 năm

5 năm

3 năm

Câu 31: Bà 65 tuổi, Rose 12 tuổi, Andy 3 tuổi. Hỏi 5 năm nữa, tổng số tuổi của bà, Rose và Andy là bao nhiêu?

A

B

C

D

Câu 32: Chú Minh nhiều hơn cô Thy 2 tuổi. 4 năm nữa, tổng số tuổi của cô chú ấy sẽ là 86. Hỏi năm nay mỗi người bao nhiêu tuổi?

- Chú Minh 42 tuổi, cô Thy: 44 tuổi
- Chú Minh 32 tuổi, cô Thy: 34 tuổi
- Chú Minh 40 tuổi, cô Thy: 38 tuổi

Câu 33: Gia đình chú Dũng và cô Hiền có một người con là Minh. Minh 11 tuổi, cô Hiền 31 tuổi. Chú Dũng lớn hơn cô 6 tuổi. Hỏi sau bao nhiêu năm nữa thì tổng số tuổi của cả 3 người sẽ là 100?

- 7 năm
- 9 năm
- 10 năm

Câu 34: Ba 36 tuổi, mẹ 29 tuổi, Linh 8 tuổi, Bin 3 tuổi. Hỏi bao nhiêu năm nữa thì tổng số tuổi của cả gia đình là 100?

A

B

C

D

Câu 35: Năm nay, Trà 12 tuổi. Tổng số tuổi của Trà và anh trai sau 10 năm nữa là 55 tuổi. Hỏi năm nay anh Trà bao nhiêu tuổi?

- 20 tuổi
- 23 tuổi
- 25 tuổi

Đáp án chủ đề 5

Câu 1: Đồng hồ nào chỉ 5 giờ kém 10 phút?

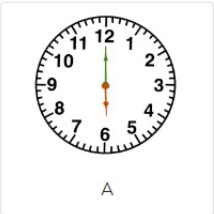
A

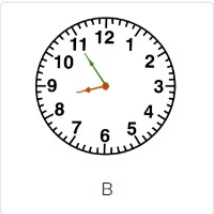
B

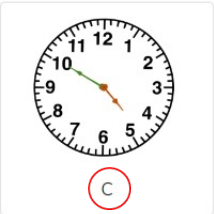
C

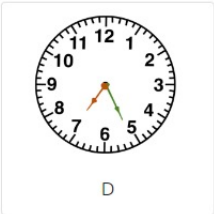
D

Câu 2: Hãy chọn thời gian chính xác của chiếc đồng hồ này?

- 7 giờ kém 10 phút
- 6 giờ 50 phút
- Cả 2 phương án trên đều đúng

Câu 3: Chiếc đồng hồ dưới đây là hình ảnh phản chiếu qua gương. Hãy chọn thời gian chính xác của chiếc đồng hồ này?

- 6 giờ kém 10 phút
- 7 giờ 10 phút
- 5 giờ 50 phút

Câu 4: Cứ 5 phút có một chuyến tàu điện ngầm tới ga. Hỏi trong 30 phút sẽ có bao nhiêu chuyến tàu điện ngầm tới ga?

- 6 chuyến tàu
- 7 chuyến tàu
- 8 chuyến tàu

Câu 5: Từ 5 giờ 30 phút thì cứ 10 phút sẽ có một chuyến xe khách rời bến. Hỏi từ 5 giờ 30 phút đến 6 giờ 30 phút thì tổng cộng bao nhiêu chuyến xe rời bến?

A

B

C

D

Câu 6: Lớp bạn Linh tổ chức đi tham quan công viên, các bạn học sinh xuất phát từ trường lúc mấy giờ biết các bạn đến công viên lúc 8 giờ 00 và thời gian di chuyển hết 30 phút?

A

B

C

D

Câu 7: Kim giờ và kim phút ở đồng hồ kế tiếp ở vị trí bao nhiêu giờ?

- 2 giờ 00 phút
- 2 giờ 30 phút
- 3 giờ 00 phút

Câu 8: Có bao nhiêu khoảng cách giữa các viên kẹo sau:

- 3 khoảng
- 5 khoảng
- 6 khoảng

Câu 9: Cứ 2 cây xanh thì cách nhau 3 mét, Nếu trồng 1 dãy 5 cây xanh cách đều nhau. Khoảng cách của cây thứ nhất đến cây thứ 5 là bao nhiêu mét?

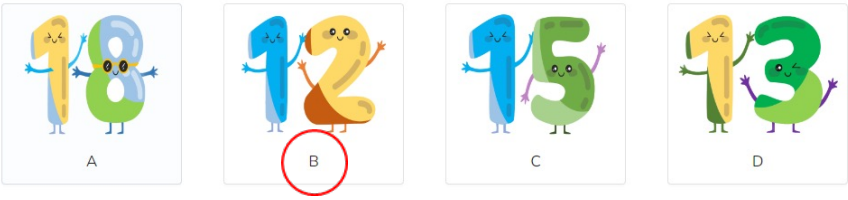

Câu 10: Một toà nhà có 4 tầng tính cả tầng trệt. Mỗi tầng cao 4m, riêng mái nhà cao 2m. Hỏi toà nhà đó cao bao nhiêu?

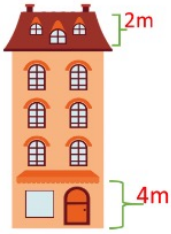

- 15 m
- 10 m
- 18 m

Câu 11: An muốn leo lên nhà ở tầng 4 không tính tầng trệt phải đi lên 36 bậc thang. Mỗi bậc thang của từng lầu đều bằng nhau. Hỏi số bậc thang của mỗi tầng?

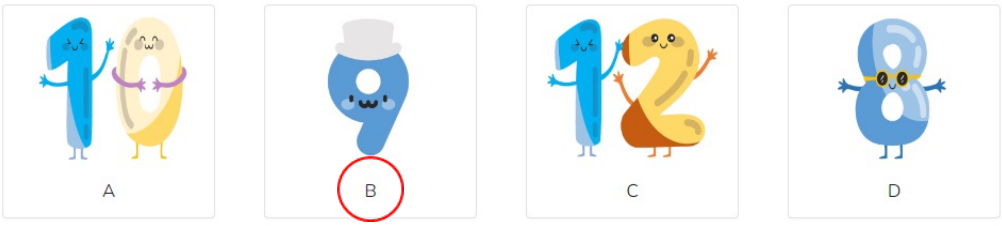

Câu 12: Một bến xe cứ 5 phút thì có một chuyến xe xuất bến. Hỏi trong 30 phút thì có bao nhiêu xe xuất bến?

- 3 xe
- 6 xe
- 5 xe

Câu 13: Từ hình ảnh, em hãy cho biết thời gian Bình chạy từ nhà đến công viên:

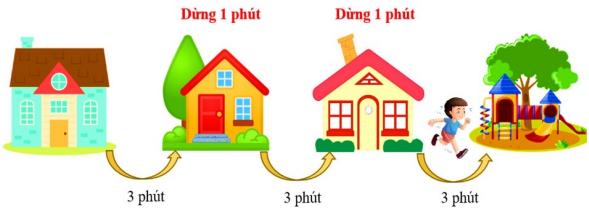

- 11 phút
- 9 phút
- 10 phút

Câu 14: MiMi xếp một số đồng xu thành hình chữ nhật. Mỗi góc của hình chữ nhật là một đồng xu. Và trên cạnh chiều dài của hình chữ nhật có 5 đồng xu, cạnh chiều rộng có 3 đồng xu. Hỏi MiMi dùng bao nhiêu đồng xu để xếp thành hình chữ nhật?

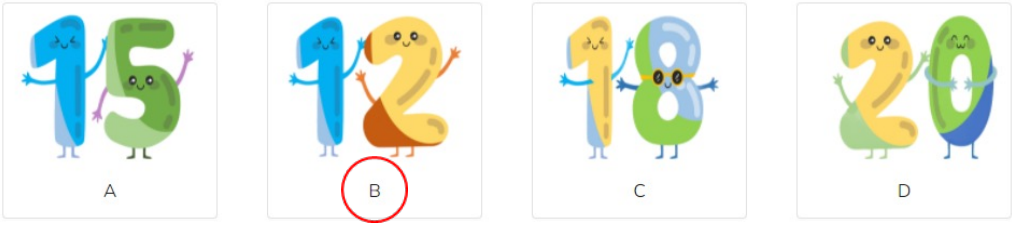

Câu 15: Chọn các số sau vào vị trí theo thứ tự phù hợp vào ô trống để tạo thành phép tính cộng:

$$36 + 55 + 14$$
$$= (_____ + _____) + ____$$
$$= 50 + 55$$
$$= 105$$

A	B	C	D
36; 12; 15	14; 36; 55	36; 12; 14	36; 12; 55

Câu 16: Thay số thích hợp vào phép tính sau:

$$27 + 17 + 7$$
$$= (_?_ + 7) + (10 + _?_) + 7$$
$$= 30 + 7 + 7 + 3 + 3 + 1$$
$$= 30 + 10 + 10 + 1 = 51$$

- 19, 11
- 20, 10
- 20, 7

Câu 17: Tính nhanh:

$$44 + 19 + 29$$

- 96
- 92
- 97

Câu 18: Chọn các số thích hợp theo thứ tự phù hợp. Biểu diễn số dưới dạng tổng của 2 số:

47 = ___ + 17 = 27 + ___

A

B

C

D

Câu 19: Chọn số thích hợp vào ô trống để tạo thành phép tính cộng:

2__ + __5 = 39

A

B

C

D

Câu 20: Kết quả của phép tính sau là?

23 + 16 + 57 + 14

- 90
- 100
- 110

Câu 21: Chọn đáp án đúng. Cho phép tính biểu diễn số dưới dạng tổng của 3 số:

- 1, 16, 9, 4
- 19, 19, 6, 4
- 1, 19, 6, 4

24 = _?_ + _?_ + 4

= 14 + _?_ + _?_

Câu 22: Tìm giá trị của cây kem?

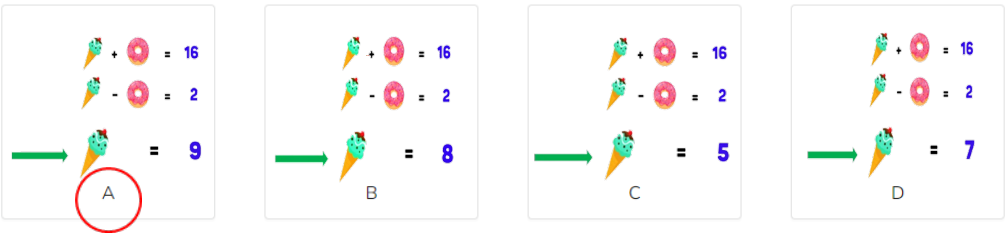

Câu 23: Em hãy tìm giá trị của đám mây?

- 5
- 4
- 6

Câu 24: Tìm bông hoa?

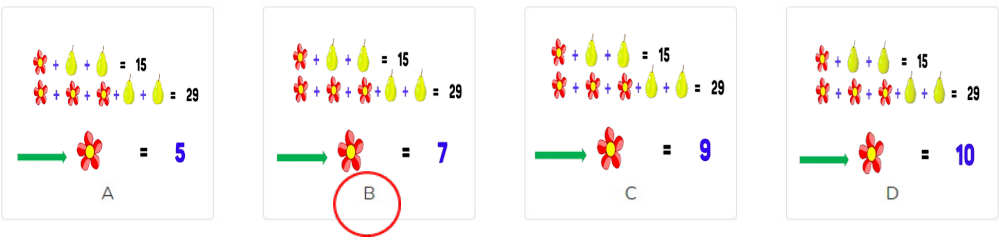

Câu 25: Bé hãy tìm giá trị của ngôi sao?

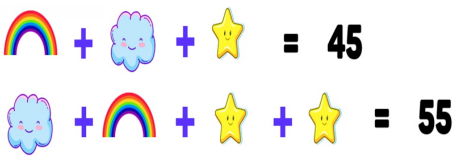

- 20
- 10
- 30

Câu 26: Điền vào dấu ?

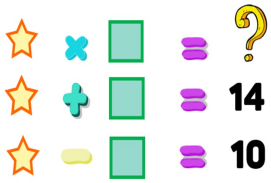

21

27

24

Câu 27: Tìm giá trị của cây kẹo mút?

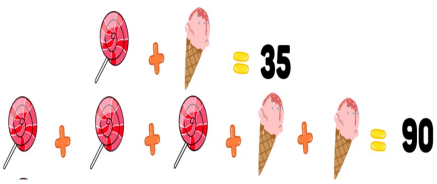

40

35

20

Câu 28: Tìm giá trị quả dâu tây dưới đây?

11

15

20

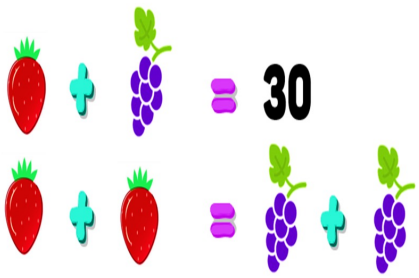

Câu 29: Joe 6 tuổi. Số tuổi của Jack gấp 3 lần số tuổi của Joe. Hỏi Jack bao nhiêu tuổi?

A

B

C

D

Câu 30: Con 1 tuổi, mẹ 21 tuổi. Hỏi sau bao nhiêu năm tuổi mẹ gấp 6 lần tuổi con?

6 năm

5 năm

3 năm

Câu 31: Bà 65 tuổi, Rose 12 tuổi, Andy 3 tuổi. Hỏi 5 năm nữa, tổng số tuổi của bà, Rose và Andy là bao nhiêu?

A

B

C

D

Câu 32: Chú Minh nhiều hơn cô Thy 2 tuổi. 4 năm nữa, tổng số tuổi của cô chú ấy sẽ là 86. Hỏi năm nay mỗi người bao nhiêu tuổi?

- Chú Minh 42 tuổi, cô Thy: 44 tuổi
- Chú Minh 32 tuổi, cô Thy: 34 tuổi
- Chú Minh 40 tuổi, cô Thy: 38 tuổi

Câu 33: Gia đình chú Dũng và cô Hiền có một người con là Minh. Minh 11 tuổi, cô Hiền 31 tuổi. Chú Dũng lớn hơn cô 6 tuổi. Hỏi sau bao nhiêu năm nữa thì tổng số tuổi của cả 3 người sẽ là 100?

- 7 năm
- 9 năm
- 10 năm

Câu 34: Ba 36 tuổi, mẹ 29 tuổi, Linh 8 tuổi, Bin 3 tuổi. Hỏi bao nhiêu năm nữa thì tổng số tuổi của cả gia đình là 100?

A

B

C

D

Câu 35: Năm nay, Trà 12 tuổi. Tổng số tuổi của Trà và anh trai sau 10 năm nữa là 55 tuổi. Hỏi năm nay anh Trà bao nhiêu tuổi?

- 20 tuổi
- 23 tuổi
- 25 tuổi

Chủ đề 6: Đếm. Quy tắc chung. Logic

I. Kiến thức trọng tâm

1. Phép chia và quy luật

- ***Để biết tại thứ tự số a là sự vật gì ta cần phải:***

+ Bước 1: Xét quy luật sắp xếp của các sự vật (sau mấy sự vật thì lặp lại quy luật)

+ Bước 2: Lấy số thứ tự cần tìm chia cho số sự vật trong một vòng lặp để xem đó là phép chia có số dư là bao nhiêu.

+ Bước 3: Đánh số thứ tự cho lần lượt các sự vật trong một vòng lặp từ trái qua phải, bắt đầu từ 1.

+ Bước 4: Lấy số thứ tự các sự vật chia cho số sự vật trong một vòng lặp. Phép chia nào có số dư bằng phép chia ở bước 2, thì sự vật đó là sự vật cần tìm.

→ Ví dụ: Hình đầu tiên là ngôi sao và kế tiếp là mặt trăng. Ngôi sao và mặt trăng xếp xen kẽ nhau. Hỏi hình thứ 10 là hình gì?

Giải

- ***Chia tính ngày:***

• Cách 1:

+ Bước 1: Viết lịch bắt đầu từ ngày cho biết đến ngày cần tìm vào bảng theo thứ tự từ trái qua phải rồi từ trên xuống dưới.

+ Bước 2: Dựa vào lịch để tìm ra ngày cần tìm.

• Cách 2:

+ Bước 1: Lấy ngày cần tìm chia cho 7 và xác định số dư của phép chia.

+ Bước 2: Thứ của ngày đã cho chính là thứ có số dư bằng 1. Cứ như vậy viết từ 1 đến 6 rồi quay lại 0 cho các thứ trong tuần.

+ Bước 3: Thứ nào có số dư bằng với số dư của phép chia ở bước 1 thì đó chính là thứ cần tìm.

→ Ví dụ: Vào một năm nào đó, ngày 1 tháng Ba là ngày Chủ nhật. Hỏi ngày 25 tháng Ba cùng năm đó là thứ mấy trong tuần?

Cách 1

Vậy ngày 25 tháng Ba là **thứ 4** trong tuần.

Cách 2

Một tuần có **7 ngày.**

$25 : 7 = 3$ dư 4

Theo đề bài ta có ngày 1 tháng Tư là Chủ nhật, vậy Chủ nhật có số dư là 1.

Chủ nhật	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
dư 1	dư 2	dư 3	dư 4	dư 5	dư 6	dư 0

Vậy ngày 25 tháng Ba là **thứ 4** trong tuần.

2. Bài toán tìm số sự vật.

- Khi bài toán cho biết tổng số sự vật và tổng giá trị của sự vật.

+ Bước 1: Xác định giá trị mỗi sự vật đó.

+ Bước 2: Dựa vào dữ kiến đề bài để lập bảng giá trị để tìm được số sự vật mỗi loại.

→ Ví dụ: Có 6 con gà và thỏ, có tất cả có 16 cái chân. Hỏi có bao nhiêu con gà và bao nhiêu con thỏ?

Giải

- Ta xác định mỗi con gà có 2 chân và mỗi con thỏ có 4 chân.

- Vì tổng số con vật là 6 nên ta sẽ có các trường hợp sau:

$$3 + 3 = 6 \text{ và } 4 + 2 = 6$$

- Tổng số chân là 16. Vậy ta sẽ có bảng sau.

Số gà	Số chân gà	Số thỏ	Số chân thỏ	Tổng số chân
3	3 x 2 = 6	3	3 x 4 = 12	18
4	4 x 2 = 8	2	2 x 4 = 8	16

Vậy có 4 con gà và 2 con thỏ.

HỌC247 Kids
Kids.hoc247.vn

3. Quy tắc dãy số

- Dựa vào các số đề bài đã cho tìm ra quy luật của dãy số. Từ đó tìm được các số còn thiếu trong dãy số.

- Một số dạng quy luật trong dãy số:

+ Dãy số cách đều: Hai số liền kề nhau hơn kém nhau một số đơn vị.

+ Dãy số có số sau bằng tổng hai số trước.

+ Dãy số có quy luật là dãy số phụ: Mối quan hệ giữa các số hạng tạo thành một dãy số có quy luật.

Ví dụ: Cho dãy số 4; 5; 7; 10; 14; 19; 25; ...

Điền vào chỗ trống số hạng tiếp theo của dãy số.

Giải

Ta thấy: 4 + 1 = 5; 5 + 2 = 7; 7 + 3 = 10; 10 + 4 = 14; . . .

Vậy quy luật của dãy số là số sau sẽ bằng số trước cộng với số thứ tự của số đó.

Số 25 là số thứ 7 trong dãy số, vậy số cần điền = 25 + 7 = 32

4. Đếm hình, đếm đoạn thẳng

- ***Với dếm hình:*** Đánh số thứ tự cho các hình nhỏ. Sau đó đếm số hình đơn, tiếp đến là đếm các hình được ghép từ 2, 3, 4, 5, … hình nhỏ. Rồi cộng lại.

→Ví dụ: Có bao nhiêu hình tam giác trong hình sau?

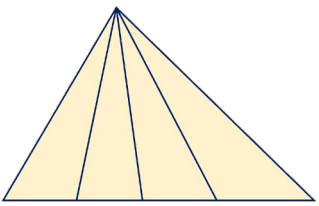

Giải

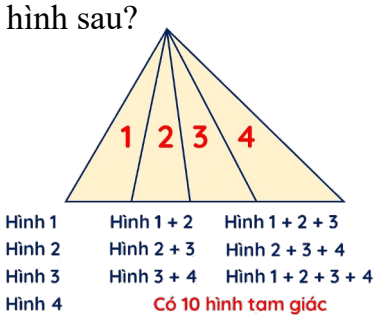

- Với dếm đoạn thẳng: Cứ hai điểm khác nhau nối với nhau sẽ tạo thành một đoạn thẳng.

→Ví dụ: Có bao nhiêu đoạn thẳng trong hình dưới đây?

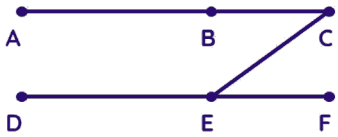

Giải → AB, AC, BC: 3 + DE, DF, EF: 3 + CE → 7

Có 7 đoạn thẳng

5. Bài toán suy luận

- Lập bảng suy luận để giải các bài toán.

→Ví dụ: Trong giờ thể dục, 4 bạn Jenny, Andy, Jack và Mary cùng xếp một hàng dọc. Biết rằng, Andy đứng thứ ba trong hàng, Jenny đứng sau Mary, và Jack đứng sau Andy. Tìm vị trí của từng bạn đứng trong hàng.

Giải

	Thứ 1	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	
Jenny		✓			Jenny đứng sau Mary
Jack				✓	Jack đứng sau Andy
Andy			✓		Andy đứng thứ ba trong hàng
Mary	✓				

Các bạn xếp hàng theo thứ tự là: Mary, Jenny, Andy và Jack

Bộ câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1: Chọn cách chia đều 6 quả cherry cho 2 bạn:

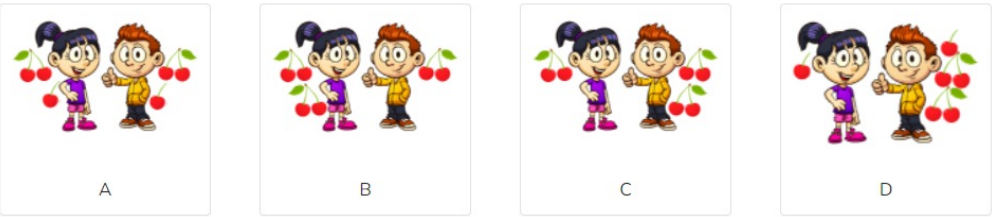

Câu 2: Chọn phép tính đúng:

10 quả táo chia thành 5 phần bằng nhau?

A. 10 x 5 = 50

B. 10 : 5 = 2

C. 10 – 5 = 8

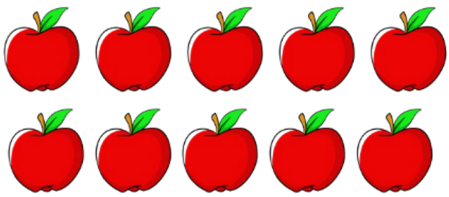

Câu 3: 8 cái bánh chia đều cho 3 bạn thì còn dư lại bao nhiêu cái bánh?

A. 2 cái bánh

B. 4 cái bánh

C. 1 cái bánh

Câu 4: 19 cái bánh chia đều cho 5 đĩa. Hỏi còn dư lại bao nhiêu cái bánh?

A

B

C

D

Câu 5: Vào một năm nào đó, ngày 1 tháng Tư là ngày Chủ nhật. Hỏi ngày 25 tháng Tư cùng năm là thứ mấy trong tuần?

A

B

C

D

Câu 6: Chọn phép tính đúng:
12 cái bánh chia đều cho 6 bạn. Mỗi bạn có bao nhiêu cái bánh?

A

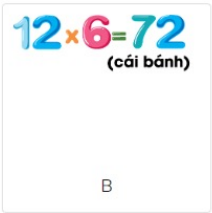

B

C

D

Câu 7: Chậu hoa đầu tiên là hoa tulip vàng, kế tiếp là chậu hoa tulip đỏ. Chậu hoa tulip vàng và chậu tulip đỏ đặt xen kẽ nhau. Hỏi chậu hoa thứ 11 là chậu hoa màu gì?

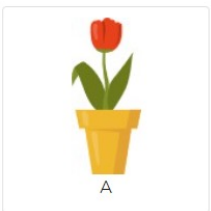
A

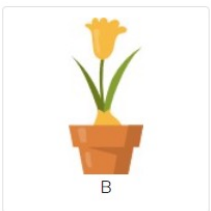
B

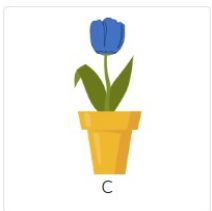
C

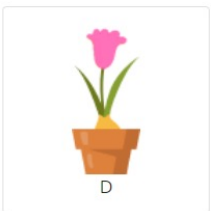
D

Câu 8: Nhà bác Lan có nuôi số bò và số trâu bằng nhau. Bác đếm được số tất cả 48 cái chân. Hỏi có mấy con bò và mấy con trâu?

Bò:? con Trâu:? con

A. 5 con bò và 5 con trâu

B. 6 con bò và 6 con trâu

C. 7 con bò và 7 con trâu

Câu 9: Lan rất thích động vật, ở nhà Lan có rất nhiều mèo và chó. Biết rằng tổng số chân mèo và chó ở nhà Lan là 24 chân, và số mèo bằng số chó. Hỏi nhà Lan nuôi bao nhiêu con chó và bao nhiêu con mèo?

A. 2 chó và 2 mèo

B. 3 chó và 3 mèo

C. 4 chó và 4 mèo

Câu 10: Mẹ đi chợ mua cho Anan một số áo quần để vào năm học mới, biết 1 cái áo có giá là 7$ và 1 cái quần có giá là 9$. Mẹ mua tất cả 4 áo và quần. Biết mẹ phải trả 32$ cho cả áo và quần. Hỏi mẹ mua bao nhiêu cái áo và bao nhiêu cái quần?

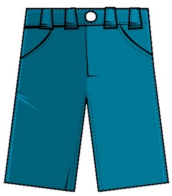

A.3 áo và 1 quần

B. 2 áo và 2 quần

C. 1 quần và 3 áo

Câu 11: Ly Ly mua một số sổ và bút chì, một cây bút chì có giá 6$ và một cuốn sổ có giá 7$. Ly Ly phải trả hết 40$ cho tất cả 6 cuốn sổ và bút chì. Hỏi Ly Ly đã mua bao nhiêu cuốn sổ và bao nhiêu cây bút chì?

A. 4 bút chì và 2 cuốn sổ

B. 1 cuốn sổ và 5 bút chì

C. 4 cuốn sổ và 2 bút chì

Câu 12: Một chiếc xe đạp có 3 bánh, xe đạp bình thường có 2 bánh, 10 xe có tất cả 24 bánh xe. Hỏi có bao nhiêu xe đạp 2 bánh và bao nhiêu xe đạp 3 bánh?

A. 6 xe đạp 3 bánh và 4 xe đạp 2 bánh

B. 4 xe đạp 3 bánh và 6 xe đạp 2 bánh

C. 7 xe đạp 3 bánh và 3 xe đạp 2 bánh

Câu 13: Trong bãi giữ xe, có 10 xe cả xe ô tô và xe máy. Biết tổng cộng có 30 bánh xe. Hỏi có bao nhiêu xe ô tô, bao nhiêu xe máy?

A. 5 ô tô và 5 xe máy

B. 6 ô tô và 4 xe máy

C. 4 ô tô và 6 xe máy

Câu 14: Có tất cả 4 con nhện và chuồn chuồn với tổng cộng 30 chân. Tìm số nhện và chuồn chuồn.

A. 1 con nhện và 3 con chuồn chuồn

B. 2 con nhện và 2 con chuồn chuồn

C. 3 con nhện và 1 con chuồn chuồn

Câu 15: Tìm số còn thiếu trong hình sau:

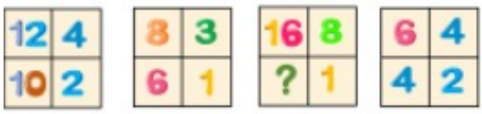

A. 9

B. 10

C. 11

Câu 16: Tìm số còn thiếu trong dãy số sau:

4; 8; 12; 16; 20; ...

Câu 17: Tìm số còn thiếu trong dãy số sau:

2; 2; 4; 6; 10; 16; ...

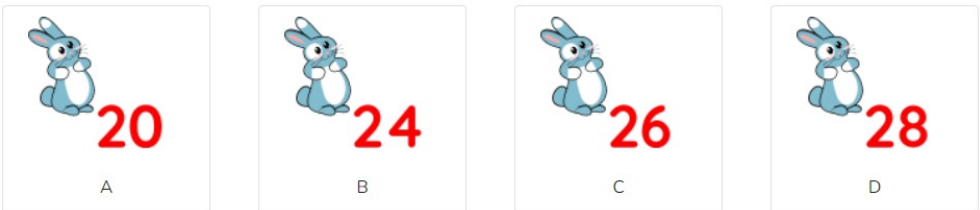

Câu 18: Tìm số còn thiếu trong hình dưới đây:

A. 8

B. 0

C. 10

Câu 19: Tìm số còn thiếu trong hình dưới đây:

A. 30

B. 24

C. 26

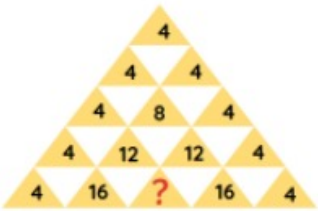

Câu 20: Tìm số còn thiếu trong dãy số sau:

1; 3; 4; 5; 7; 7; ... ; ...

A. 10; 9

B. 10; 8

C. 10; 6

Câu 21: Tìm số còn thiếu trong hình dưới đây:

A. 8

B. 9

C. 10

Câu 22: Có bao nhiêu hình vuông trong hình sau?

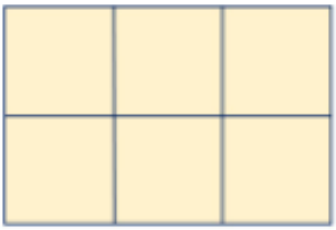

A. 8

B. 9

C. 7

Câu 23: Có bao nhiêu hình tam giác trong hình sau?

A. 7

B. 5

C. 6

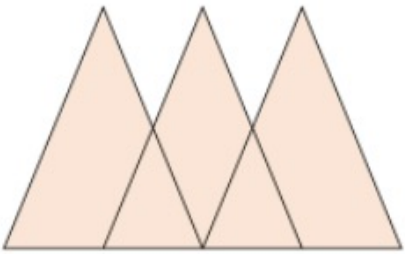

Câu 24: Có bao nhiêu khối trong hình sau?

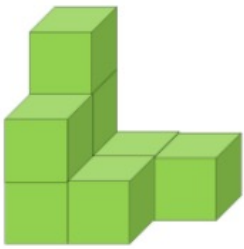

A. 7

B. 9

C. 8

Câu 25: Có bao nhiêu đoạn thẳng trong hình dưới đây?

A. 6

B. 9

C. 7

Câu 26: Có bao nhiêu đoạn thẳng trong hình dưới đây?

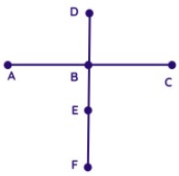

A. 10

B. 11

C. 9

Câu 27: Có bao nhiêu đoạn thẳng trong hình dưới đây?

A. 5

B. 6

C. 7

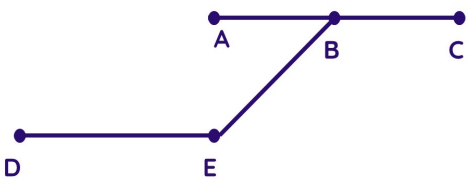

Câu 28: Có bao nhiêu hình vuông trong hình sau?

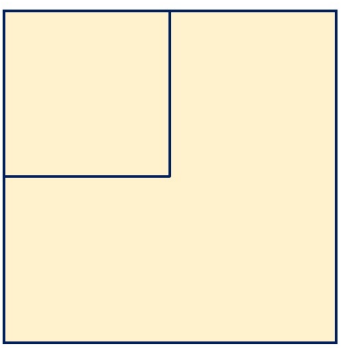

A. 1

B. 2

C. 3

Câu 29: Bác Mike, bác Andy và bác Andrew trong ba người có người làm tài xế, có người làm bảo vệ và người còn lại làm họa sĩ. Biết rằng, bác Mike không cùng tuổi với người làm tài xế, bác Andrew lại không bằng tuổi với người làm tài xế và họa sĩ. Vậy bác Andy làm nghề gì?

A. Tài xế

B. Họa sĩ

C. Bảo vệ

Câu 30: Hùng, Huệ và Hà trong ba người có người rất thích phở, có người thích cơm tấm và người còn lại rất thích ăn hủ tiếu. Biết rằng: Huệ không thích ăn món có nước. Hà lại không thích ăn hủ tiếu và cơm tấm. Vậy bạn Hùng thích ăn món nào?

A. Hủ tiếu

B. Phở

C. Cơm tấm

Câu 31: Anh, Pháp và Canada là 3 nơi đi du học của 3 bạn Kim, Ly và An. Biết rằng An chưa từng đi đến Canada. Ly không đi du học ở Pháp và Canada. Tìm đất nước mà bạn Kim đã đi du học.

A. Anh

B. Canada

C. Pháp

Câu 32: Jack, Andy và Mary mỗi người là chủ nhân của một con vật, nào có chó, mèo và thỏ. Biết rằng, Mary không thích nuôi thỏ, Andy lại không thích nuôi chó và thỏ. Xác định con vật nuôi của mỗi bạn.

A. Andy nuôi thỏ, Mary nuôi chó và Jack nuôi mèo

B. Jack nuôi thỏ, Andy nuôi chó và Mary nuôi mèo

C. Jack nuôi thỏ, Mary nuôi chó và Andy nuôi mèo

Câu 33: Táo, cam và lê là các loại quả ưa thích của ba bạn Anan, LyLy và MyMy, mỗi bạn thích một loại quả khác nhau. Biết rằng, Anan không thích ăn lê, LyLy không thích ăn lê và táo. Hỏi ai là người thích ăn táo?

A. LyLy

B. Anan

C. MyMy

Câu 34: Một một cuộc thi chạy giữa ba bạn Hùng, Lan và Huệ đã về đích với những vị trí như sau: Hùng không phải là người về đích cuối cùng, Huệ về sau Hùng nhưng cũng không phải là người về đích cuối cùng. Hỏi bạn nào đã về đích đầu tiên?

A. Lan

B. Hùng

C. Huệ

Đáp án chủ đề 6

Câu 1: Chọn cách chia đều 6 quả cherry cho 2 bạn:

A

B

C

D

Câu 2: Chọn phép tính đúng:
10 quả táo chia thành 5 phần bằng nhau?

A. 10 x 5 = 50

B. 10 : 5 = 2

C. 10 – 5 = 8

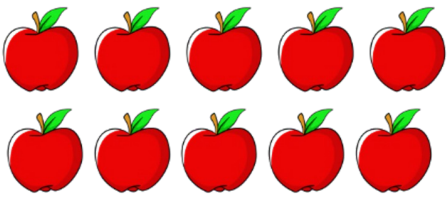

Câu 3: 8 cái bánh chia đều cho 3 bạn thì còn dư lại bao nhiêu cái bánh?

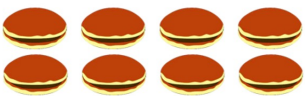

A. 2 cái bánh

B. 4 cái bánh

C. 1 cái bánh

Câu 4: 19 cái bánh chia đều cho 5 đĩa. Hỏi còn dư lại bao nhiêu cái bánh?

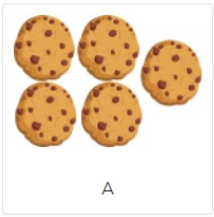
A

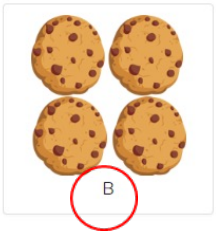
B

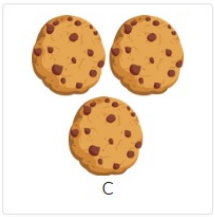
C

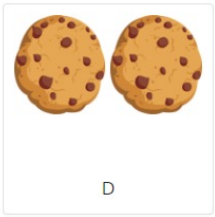
D

Câu 5: Vào một năm nào đó, ngày 1 tháng Tư là ngày Chủ nhật. Hỏi ngày 25 tháng Tư cùng năm là thứ mấy trong tuần?

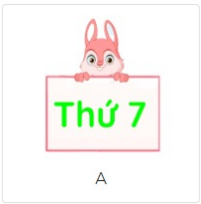

A

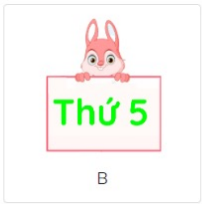

B

C

D

Câu 6: Chọn phép tính đúng:
12 cái bánh chia đều cho 6 bạn. Mỗi bạn có bao nhiêu cái bánh?

A

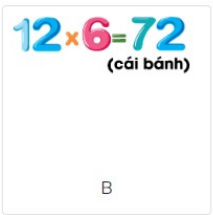

B

C

D

Câu 7: Chậu hoa đầu tiên là hoa tulip vàng, kế tiếp là chậu hoa tulip đỏ. Chậu hoa tulip vàng và chậu tulip đỏ đặt xen kẽ nhau. Hỏi chậu hoa thứ 11 là chậu hoa màu gì?

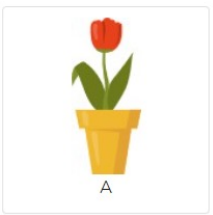
A

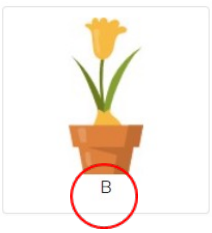
B

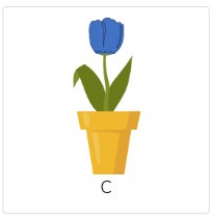
C

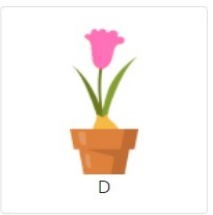
D

Câu 8: Nhà bác Lan có nuôi số bò và số trâu bằng nhau. Bác đếm được số tất cả 48 cái chân. Hỏi có mấy con bò và mấy con trâu?

Bò:? con Trâu:? con

A. 5 con bò và 5 con trâu

B. 6 con bò và 6 con trâu

C. 7 con bò và 7 con trâu

Câu 9: Lan rất thích động vật, ở nhà Lan có rất nhiều mèo và chó. Biết rằng tổng số chân mèo và chó ở nhà Lan là 24 chân, và số mèo bằng số chó. Hỏi nhà Lan nuôi bao nhiêu con chó và bao nhiêu con mèo?

A. 2 chó và 2 mèo

B. 3 chó và 3 mèo

C. 4 chó và 4 mèo

Câu 10: Mẹ đi chợ mua cho Anan một số áo quần để vào năm học mới, biết 1 cái áo có giá là 7$ và 1 cái quần có giá là 9$. Mẹ mua tất cả 4 áo và quần. Biết mẹ phải trả 32$ cho cả áo và quần. Hỏi mẹ mua bao nhiêu cái áo và bao nhiêu cái quần?

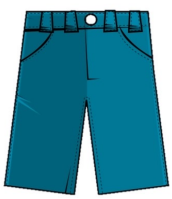

A.3 áo và 1 quần

B. 2 áo và 2 quần

C. 1 quần và 3 áo

Câu 11: Ly Ly mua một số sổ và bút chì, một cây bút chì có giá 6$ và một cuốn sổ có giá 7$. Ly Ly phải trả hết 40$ cho tất cả 6 cuốn sổ và bút chì. Hỏi Ly Ly đã mua bao nhiêu cuốn sổ và bao nhiêu cây bút chì?

A. 4 bút chì và 2 cuốn sổ

B. 1 cuốn sổ và 5 bút chì

C. 4 cuốn sổ và 2 bút chì

Câu 12: Một chiếc xe đạp có 3 bánh, xe đạp bình thường có 2 bánh, 10 xe có tất cả 24 bánh xe. Hỏi có bao nhiêu xe đạp 2 bánh và bao nhiêu xe đạp 3 bánh?

A. 6 xe đạp 3 bánh và 4 xe đạp 2 bánh

B. 4 xe đạp 3 bánh và 6 xe đạp 2 bánh

C. 7 xe đạp 3 bánh và 3 xe đạp 2 bánh

Câu 13: Trong bãi giữ xe, có 10 xe cả xe ô tô và xe máy. Biết tổng cộng có 30 bánh xe. Hỏi có bao nhiêu xe ô tô, bao nhiêu xe máy?

A. 5 ô tô và 5 xe máy

B. 6 ô tô và 4 xe máy

C. 4 ô tô và 6 xe máy

Câu 14: Có tất cả 4 con nhện và chuồn chuồn với tổng cộng 30 chân. Tìm số nhện và chuồn chuồn.

A. 1 con nhện và 3 con chuồn chuồn

B. 2 con nhện và 2 con chuồn chuồn

C. 3 con nhện và 1 con chuồn chuồn

Câu 15: Tìm số còn thiếu trong hình sau:

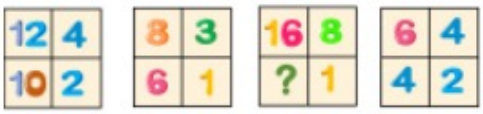

A. 9

B. 10

C. 11

Câu 16: Tìm số còn thiếu trong dãy số sau:

4; 8; 12; 16; 20; ...

Câu 17: Tìm số còn thiếu trong dãy số sau:

2; 2; 4; 6; 10; 16; ...

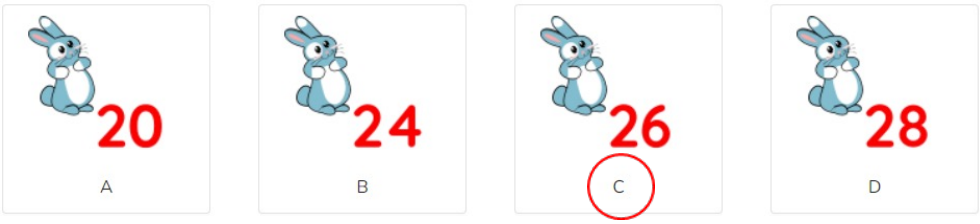

Câu 18: Tìm số còn thiếu trong hình dưới đây:

A. 8

B. 0

C. 10

Câu 19: Tìm số còn thiếu trong hình dưới đây:

A. 30

B. 24

C. 26

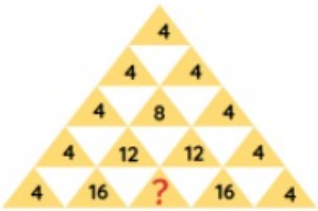

Câu 20: Tìm số còn thiếu trong dãy số sau:

1; 3; 4; 5; 7; 7; ... ; ...

A. 10; 9

B. 10; 8

C. 10; 6

Câu 21: Tìm số còn thiếu trong hình dưới đây:

A. 8

B. 9

C. 10

Câu 22: Có bao nhiêu hình vuông trong hình sau?

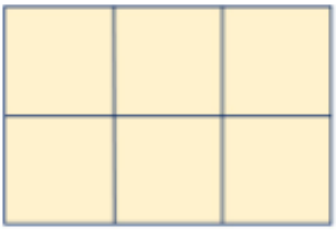

A. 8

B. 9

C. 7

Câu 23: Có bao nhiêu hình tam giác trong hình sau?

A. 7

B. 5

C. 6

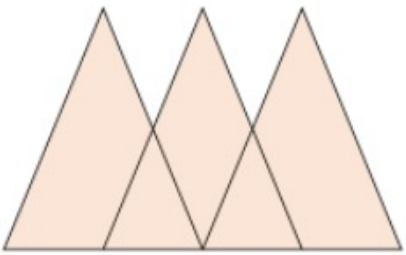

Câu 24: Có bao nhiêu khối trong hình sau?

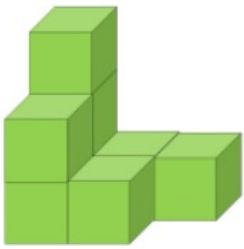

A. 7

B. 9

C. 8

Câu 25: Có bao nhiêu đoạn thẳng trong hình dưới đây?

A. 6

B. 9

C. 7

Câu 26: Có bao nhiêu đoạn thẳng trong hình dưới đây?

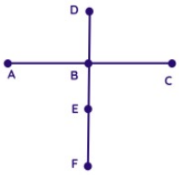

A. 10

B. 11

C. 9

Câu 27: Có bao nhiêu đoạn thẳng trong hình dưới đây?

A. 5

B. 6

C. 7

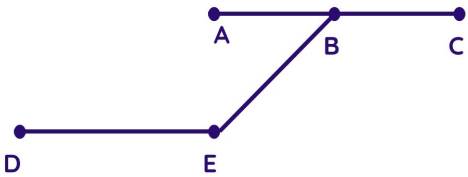

Câu 28: Có bao nhiêu hình vuông trong hình sau?

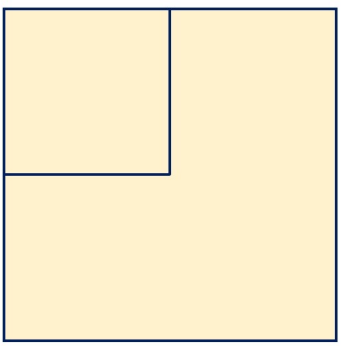

A. 1

B. 2

C. 3

Câu 29: Bác Mike, bác Andy và bác Andrew trong ba người có người làm tài xế, có người làm bảo vệ và người còn lại làm họa sĩ. Biết rằng, bác Mike không cùng tuổi với người làm tài xế, bác Andrew lại không bằng tuổi với người làm tài xế và họa sĩ. Vậy bác Andy làm nghề gì?

A. Tài xế

B. Họa sĩ

C. Bảo vệ

Câu 30: Hùng, Huệ và Hà trong ba người có người rất thích phở, có người thích cơm tấm và người còn lại rất thích ăn hủ tiếu. Biết rằng: Huệ không thích ăn món có nước. Hà lại không thích ăn hủ tiếu và cơm tấm. Vậy bạn Hùng thích ăn món nào?

A. Hủ tiếu

B. Phở

C. Cơm tấm

Câu 31: Anh, Pháp và Canada là 3 nơi đi du học của 3 bạn Kim, Ly và An. Biết rằng An chưa từng đi đến Canada. Ly không đi du học ở Pháp và Canada. Tìm đất nước mà bạn Kim đã đi du học.

A. Anh

B. Canada

C. Pháp

Câu 32: Jack, Andy và Mary mỗi người là chủ nhân của một con vật, nào có chó, mèo và thỏ. Biết rằng, Mary không thích nuôi thỏ, Andy lại không thích nuôi chó và thỏ. Xác định con vật nuôi của mỗi bạn.

A. Andy nuôi thỏ, Mary nuôi chó và Jack nuôi mèo

B. Jack nuôi thỏ, Andy nuôi chó và Mary nuôi mèo

C. Jack nuôi thỏ, Mary nuôi chó và Andy nuôi mèo

Câu 33: Táo, cam và lê là các loại quả ưa thích của ba bạn Anan, LyLy và MyMy, mỗi bạn thích một loại quả khác nhau. Biết rằng, Anan không thích ăn lê, LyLy không thích ăn lê và táo. Hỏi ai là người thích ăn táo?

A. LyLy

B. Anan

C. MyMy

Câu 34: Một một cuộc thi chạy giữa ba bạn Hùng, Lan và Huệ đã về đích với những vị trí như sau: Hùng không phải là người về đích cuối cùng, Huệ về sau Hùng nhưng cũng không phải là người về đích cuối cùng. Hỏi bạn nào đã về đích đầu tiên?

A. Lan

B. Hùng

C. Huệ

Chủ đề 7: Bảng. Sơ đồ. IQ

I. Kiến thức trọng tâm

1. Bài toán lập danh sách, lập bảng

- Dựa vào những dữ kiện đề cho, ta liệt kê ra tất cả các trường hợp có thể xảy ra rồi tổng hợp hoặc lựa chọn các trường hợp thích hợp với yêu cầu của đề bài.

→ Ví dụ 1:

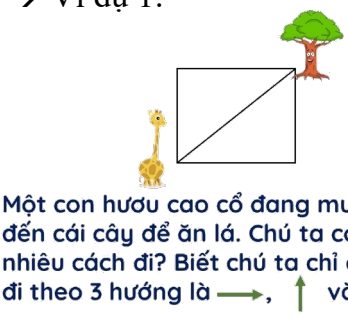

Giải

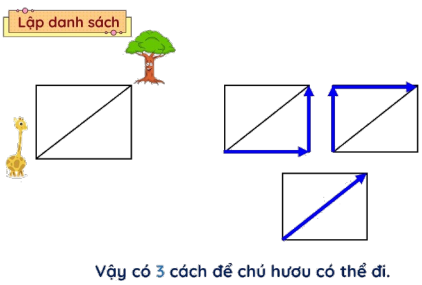

→Ví dụ 2: Có bao nhiêu số chia hết cho 5 trong khoảng từ 8 đến 24?

Giải

Ta liệt kê ra các số từ 8 đến 24. Sau đó chọn ra các số chia hết cho 5, như bảng sau:

2. Bài toán giải bằng sơ đồ.

- Vẽ sơ đồ, rồi phân tích sơ đồ để tìm giá trị của các đối tượng.

→Ví dụ: Anna và Mary có 42$, Anna nhiều hơn Mary 10$. Hỏi mỗi bạn có bao nhiêu $?

Giải

- Theo đề bài ta có:

+ Anna nhiều hơn Mary 10$→ Vậy trong sơ đồ Anna sẽ là phần dài, Mary phần ngắn và phần dài hơn là 10$.

+ Anna và Mary có 42$ → Tổng tiền của Anna và Mary là 42$

Vậy ta có sơ đồ như sau:

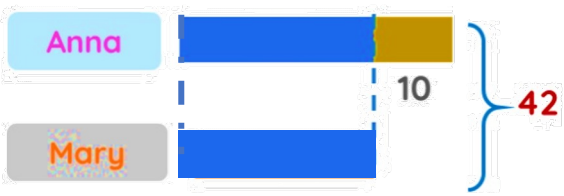

- Quan sát vào sơ đồ ta thấy:

2 phần ⟶ 42 – 10 = 32

1 phần ⟶ 32 : 2 = 16

Số tiền Mary có là: 16$

Số tiền Anna có là:

16 + 10 = 26$

3. Tính tổng dãy số có quy luật

- Bước 1: Nhóm thành các tổng bằng nhau.
- Bước 2: Tính số lượng các tổng bằng nhau
- Bước 3: Chuyển phép cộng về dạng phép nhân rồi tính.

→Ví dụ: Tính tổng của dãy số sau:

$$7+9+11+13+15+17+19$$

Giải

- Quan sát vào dãy số ta thấy: $7 + 19 = 26$

$9 + 17 = 26$

$11 + 15 = 26$

- Vậy ta làm như sau:

$$7+9+11+13+15+17+19$$
$$=26+26+26+13$$
$$=26\times 3+13$$
$$=91$$

4. Tìm các số hạng

- Bước 1: Lấy tổng chia cho số số hạng để tìm ra số đứng giữa các số hạng cần tìm.

- Bước 2: Dựa vào yêu cầu của đề bài để tìm ra các số hạng.

+ Nếu là các số liên tiếp thì hơn kém nhau 1 đơn vị

+ Là các số chẵn (hoặc số lẻ) liên tiếp thì hơn kém nhau 2 đơn vị.

+ Tìm số trước đó thì trừ, tìm số sau đó thì cộng.

→Ví dụ:

Tổng của năm số liên tiếp là 50.
Tìm năm số đó.

Giải

- Bước 1: Lấy tổng chia cho số số hạng để tìm ra số đứng giữa các số hạng cần tìm.

$$50 : 5 = 10$$

→ Vậy 10 là số ở giữa các sác số hạng cần tìm.

- Bước 2: Vì 5 số cần tìm là 5 số liên tiếp, do đó ta có khoảng cách giữa hai số liên tiếp nhau là 1. Nên ta có:

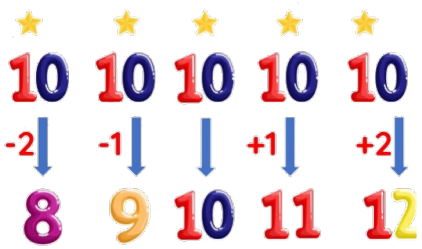

→Vậy 5 số đó là 8, 9, 10, 11 và 12.

Bộ câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1: Chọn đáp án đúng:

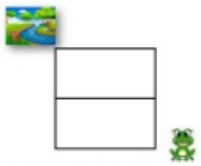

Có bao nhiêu cách để một chú ếch có thể đi từ nhà đến bờ sông? Biết chú ếch chỉ có thể đi được theo hai hướng ← và ↑

A. 3 cách

B. 4 cách

C. 2 cách

Câu 2: Chọn đáp án đúng:

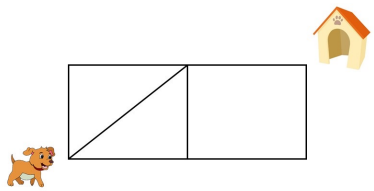

Một con chó đang muốn về nhà. Chú ta có bao nhiêu cách đi? Biết chú ta chỉ có thể đi theo 3 hướng là →, ↑ và ↗

A. 3 cách

B. 4 cách

C. 2 cách

Câu 3: Có bao nhiêu số chia hết cho 3 trong khoảng từ 7 đến 29?

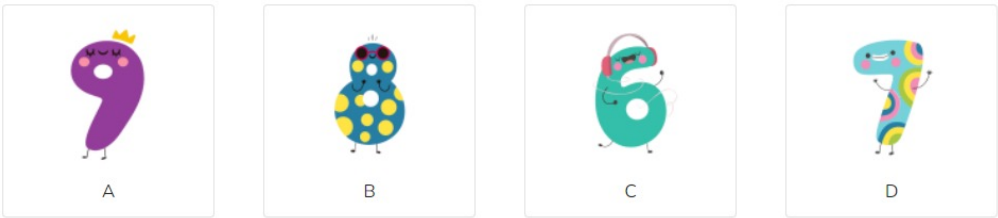

Câu 4: Chọn đáp án đúng:

A. 5 và 6

B. 3 và 7

C. 5 và 8

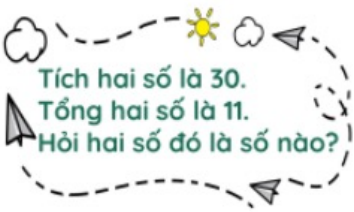

Câu 5: Ba bạn Jack, Andy và Mary đang xếp thành một hàng dọc. Hỏi có bao nhiêu cách sắp xếp vị trí giữa ba bạn?

A. 7 cách

B. 8 cách

C. 6 cách

Câu 6: Khi đi siêu thị, Jack rất thích 3 món đồ chơi, bao gồm: xe đồ chơi, siêu nhân và gấu. Nhưng mẹ chỉ cho mua 2 trong 3 đồ chơi trên. Hỏi Jack có bao nhiêu cách để chọn 2 trong 3 đồ chơi trên?

A. 4 cách

B. 3 cách

C. 2 cách

Câu 7: Có bao nhiêu cách để viết từ STUDY từ hình dưới đây?

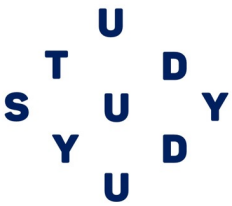

A. 2 cách

B. 4 cách

C. 3 cách

Câu 8: Chọn đáp án đúng:

A. 9 sự kết hợp

B. 8 sự kết hợp

C. 7 sự kết hợp

Hỏi có bao nhiêu sự kết hợp giữa ba món mà Jack có thể chọn?

Câu 9: Trong vườn có 24 cây táo và xoài. Số cây táo nhiều hơn số cây xoài là 6 cây. Hỏi có bao nhiêu cây táo, bao nhiêu cây xoài?

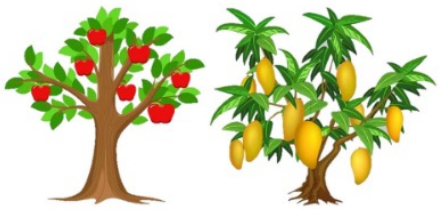

A. Xoài 9 cây và táo 15 cây

B. Xoài 8 cây và táo 16 cây

C. Xoài 6 cây và táo 18 cây

Câu 10: Tổng hai số là 32. Hai số hơn kém nhau 8 đơn vị. Hãy tìm 2 số đó.

A

B

C

D

Câu 11: Nhà bác Lan nuôi tất cả 24 con gà và vịt. Số gà gấp 2 lần số vịt. Hỏi nhà bác Lan nuôi bao nhiêu con gà và bao nhiêu con vịt?

A. 8 con vịt và 16 con gà

B. 9 con vịt và 16 con gà

C. 10 con vịt và 16 con gà

Câu 12: Vườn nhà Anna có tất cả 42 cây cam và táo, số cây cam gấp 6 lần số cây táo. Hỏi nhà Anna trồng bao nhiêu cây cam và bao nhiêu cây táo?

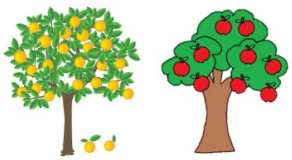

A. Táo 7 cây và cam 35 cây

B. Táo 6 cây và cam 36 cây

C. Táo 18 cây và cam 24 cây

Câu 13: Trang trại bác Lin nuôi 42 gà, vịt và ngỗng. Số vịt nhiều hơn ngỗng 4 con, gà nhiều hơn ngỗng 2 con. Hỏi có bao nhiêu con vật mỗi loại?

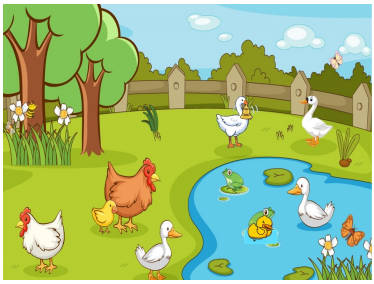

A. 12 con ngỗng, 10 con vịt và 16 con gà

B. 11 con ngỗng, 10 con vịt và 16 con gà

C. 12 con ngỗng, 16 con vịt và 14 con gà

Câu 14: Anna và Mary có 42$, Anna nhiều hơn Mary 10$. Hỏi mỗi bạn có bao nhiêu $?

A. Mary có 26$ và Anna có 16$

B. Mary có 16$ và Anna có 26$

C. Mary có 32$ và Anna có 10$

Câu 15: Tổng số viên bi của An và Minh là 100 viên, hai anh em chia đều vào 2 hũ, sao cho hũ thứ nhất ít hơn hũ thứ hai 10 viên bi. Hỏi mỗi hũ có bao nhiêu viên bi?

A. Hũ thứ nhất có 55 viên bi, hũ thứ hai có 45 viên bi

B. Hũ thứ nhất có 40 viên bi, hũ thứ hai có 50 viên bi

C. Hũ thứ nhất có 45 viên bi, hũ thứ hai có 55 viên bi

Câu 16: Tính tổng của dãy số sau:

A. 44

B. 42

C. 48

Câu 17: Chọn đáp án đúng:

A. 20

B. 25

C. 30

Tính tổng của dãy số sau:
1+ 3 + 5 + 7 + 9

Câu 18: Tính tổng của dãy số sau:

5 + 10 + 15 + 20 + 25 + 30

A

B

C

D

Câu 19: Tính tổng của dãy số sau:

5 + 7 + 9 + 11 + 13 + 15 + 17 + 19

A

B

C

D

Câu 20: Chọn đáp án đúng:

A. 9, 10, 11

B. 10, 11, 12

C. 7, 8, 9

Tổng của ba số liên tiếp là 30. Tìm ba số đó.

Câu 21: Hình thứ 4 có bao nhiêu bông hoa?

A. 8 bông hoa

B. 9 bông hoa

C. 7 bông hoa

Câu 22: Chọn đáp án đúng:

Tổng của sáu số chẵn liên tiếp là 42. Tìm sáu số đó.

A. 6, 8, 10, 12, 14, 16

B. 8, 10, 12, 14, 16, 18

C. 2, 4, 6, 8, 10, 12

Câu 23: Tìm hình còn thiếu:

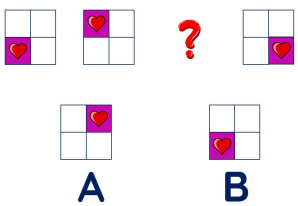

A. Hình A

B. Hình B

Câu 24: Tìm hình còn thiếu:

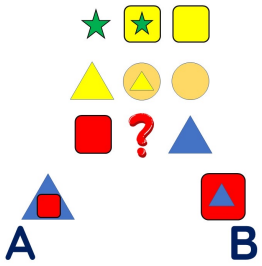

A. Hình A

B. Hình B

Câu 25: Tìm hình còn thiếu:

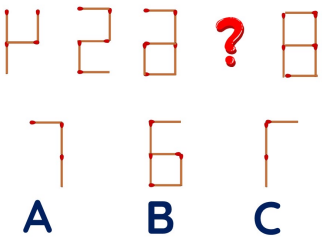

A. Hình C

B. Hình B

C. Hình A

Câu 26: Tìm hình còn thiếu:

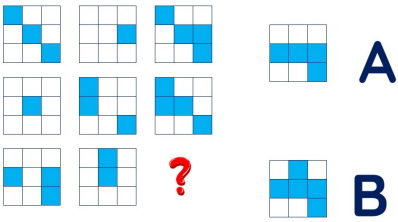

A. Hình A

B. Hình B

Câu 27: Tìm hình còn thiếu:

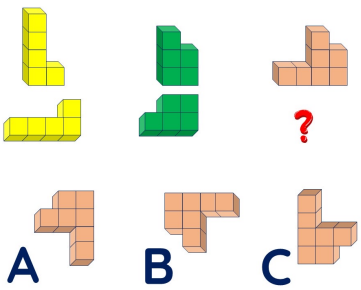

A. Hình C

B. Hình B

C. Hình A

Câu 28: Tìm hình còn thiếu:

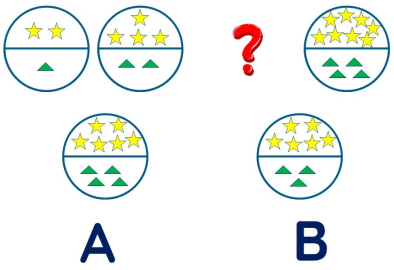

A. Hình A

B. Hình B

Câu 29: Kết quả cần tìm là bao nhiêu?

A. 7

B. 6

C. 5

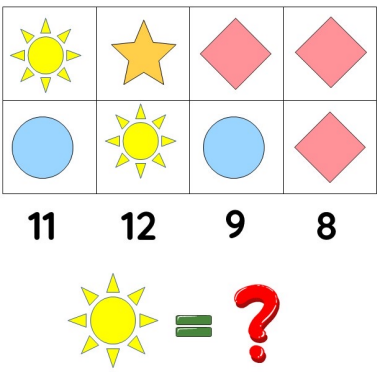

Câu 30: Có 9 chỗ ngồi ở hàng ghế thứ 1, 10 chỗ ở hàng ghế thứ 2, 11 chỗ ở hàng thứ 3, … Hỏi có bao nhiêu chỗ ở hàng ghế thứ 7?

Câu 31: Chọn đáp án đúng:

Tổng của bốn số chẵn liên tiếp là 20.
Tìm bốn số đó.

A. 4, 6, 8, 10

B. 6, 8, 10, 12

C. 2, 4, 6, 8

Đáp án chủ đề 7

Câu 1: Chọn đáp án đúng:

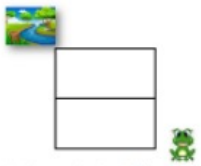

Có bao nhiêu cách để một chú ếch có thể đi từ nhà đến bờ sông? Biết chú ếch chỉ có thể đi được theo hai hướng ← và ↑

- A. 3 cách
- B. 4 cách
- C. 2 cách

Câu 2: Chọn đáp án đúng:

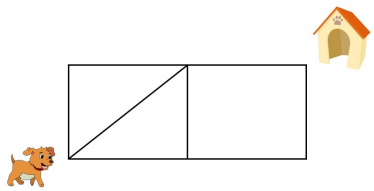

Một con chó đang muốn về nhà. Chú ta có bao nhiêu cách đi? Biết chú ta chỉ có thể đi theo 3 hướng là →, ↑ và ↗

- A. 3 cách
- B. 4 cách
- C. 2 cách

Câu 3: Có bao nhiêu số chia hết cho 3 trong khoảng từ 7 đến 29?

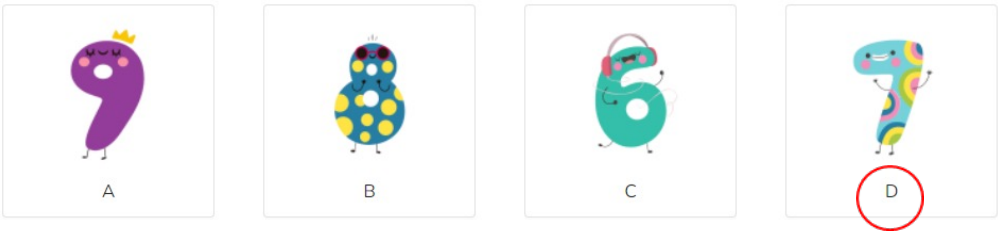

Câu 4: Chọn đáp án đúng:

- A. 5 và 6
- B. 3 và 7
- C. 5 và 8

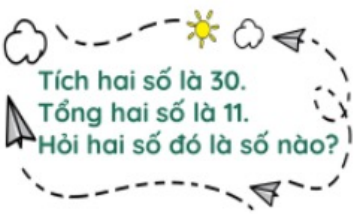

Câu 5: Ba bạn Jack, Andy và Mary đang xếp thành một hàng dọc. Hỏi có bao nhiêu cách sắp xếp vị trí giữa ba bạn?

A. 7 cách

B. 8 cách

C. 6 cách

Câu 6: Khi đi siêu thị, Jack rất thích 3 món đồ chơi, bao gồm: xe đồ chơi, siêu nhân và gấu. Nhưng mẹ chỉ cho mua 2 trong 3 đồ chơi trên. Hỏi Jack có bao nhiêu cách để chọn 2 trong 3 đồ chơi trên?

A. 4 cách

B. 3 cách

C. 2 cách

Câu 7: Có bao nhiêu cách để viết từ STUDY từ hình dưới đây?

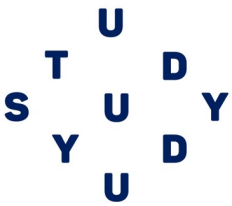

A. 2 cách

B. 4 cách

C. 3 cách

Câu 8: Chọn đáp án đúng:

A. 9 sự kết hợp

B. 8 sự kết hợp

C. 7 sự kết hợp

Câu 9: Trong vườn có 24 cây táo và xoài. Số cây táo nhiều hơn số cây xoài là 6 cây. Hỏi có bao nhiêu cây táo, bao nhiêu cây xoài?

A. Xoài 9 cây và táo 15 cây

B. Xoài 8 cây và táo 16 cây

C. Xoài 6 cây và táo 18 cây

Câu 10: Tổng hai số là 32. Hai số hơn kém nhau 8 đơn vị. Hãy tìm 2 số đó.

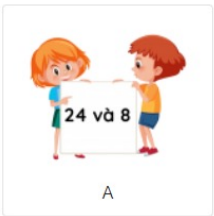

A

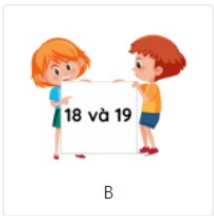

B

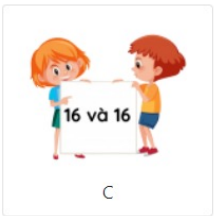

C

D

Câu 11: Nhà bác Lan nuôi tất cả 24 con gà và vịt. Số gà gấp 2 lần số vịt. Hỏi nhà bác Lan nuôi bao nhiêu con gà và bao nhiêu con vịt?

A. 8 con vịt và 16 con gà

B. 9 con vịt và 16 con gà

C. 10 con vịt và 16 con gà

Câu 12: Vườn nhà Anna có tất cả 42 cây cam và táo, số cây cam gấp 6 lần số cây táo. Hỏi nhà Anna trồng bao nhiêu cây cam và bao nhiêu cây táo?

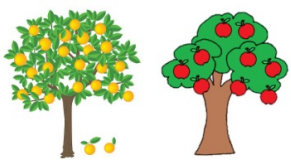

A. Táo 7 cây và cam 35 cây

B. Táo 6 cây và cam 36 cây

C. Táo 18 cây và cam 24 cây

Câu 13: Vườn nhà Anna có tất cả 42 cây cam và táo, số cây cam gấp 6 lần số cây táo. Hỏi nhà Anna trồng bao nhiêu cây cam và bao nhiêu cây táo?

A. 12 con ngỗng, 10 con vịt và 16 con gà

B. 11 con ngỗng, 10 con vịt và 16 con gà

C. 12 con ngỗng, 16 con vịt và 14 con gà

Câu 14: Anna và Mary có 42$, Anna nhiều hơn Mary 10$. Hỏi mỗi bạn có bao nhiêu $?

A. Mary có 26$ và Anna có 16$

B. Mary có 16$ và Anna có 26$

C. Mary có 32$ và Anna có 10$

Câu 15: Tổng số viên bi của An và Minh là 100 viên, hai anh em chia đều vào 2 hũ, sao cho hũ thứ nhất ít hơn hũ thứ hai 10 viên bi. Hỏi mỗi hũ có bao nhiêu viên bi?

A. Hũ thứ nhất có 55 viên bi, hũ thứ hai có 45 viên bi

B. Hũ thứ nhất có 40 viên bi, hũ thứ hai có 50 viên bi

C. Hũ thứ nhất có 45 viên bi, hũ thứ hai có 55 viên bi

Câu 16: Tính tổng của dãy số sau:

A. 44

B. 42

C. 48

Câu 17: Chọn đáp án đúng:

A. 20

B. 25

C. 30

Tính tổng của dãy số sau:
1+ 3 + 5 + 7 + 9

Câu 18: Tính tổng của dãy số sau:

5 + 10 + 15 + 20 + 25 + 30

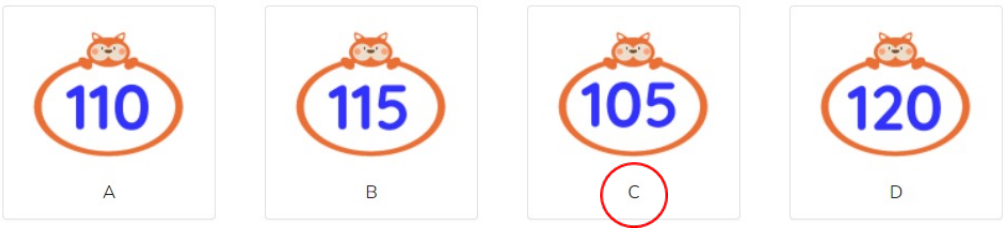

Câu 19: Tính tổng của dãy số sau:

5 + 7 + 9 + 11 + 13 + 15 + 17 + 19

Câu 20: Chọn đáp án đúng:

A. 9, 10, 11

B. 10, 11, 12

C. 7, 8, 9

Tổng của ba số liên tiếp là 30. Tìm ba số đó.

Câu 21: Hình thứ 4 có bao nhiêu bông hoa?

A. 8 bông hoa

B. 9 bông hoa

C. 7 bông hoa

Câu 22: Chọn đáp án đúng:

Tổng của sáu số chẵn liên tiếp là 42. Tìm sáu số đó.

A. 6, 8, 10, 12, 14, 16

B. 8, 10, 12, 14, 16, 18

C. 2, 4, 6, 8, 10, 12

Câu 23: Tìm hình còn thiếu:

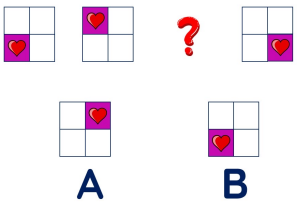

A. Hình A

B. Hình B

Câu 24: Tìm hình còn thiếu:

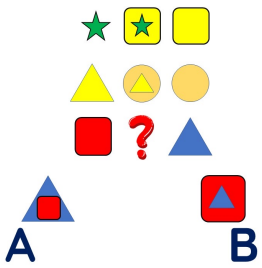

A. Hình A

B. Hình B

Câu 25: Tìm hình còn thiếu:

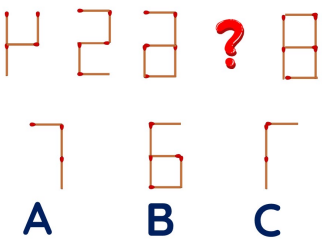

A. Hình C

B. Hình B

C. Hình A

Câu 26: Tìm hình còn thiếu:

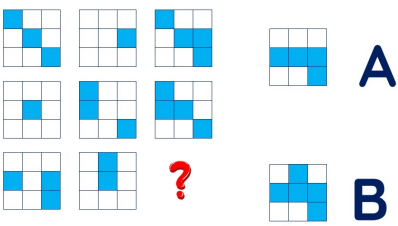

A. Hình A

B. Hình B

Câu 27: Tìm hình còn thiếu:

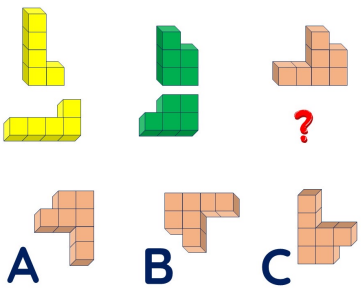

A. Hình C

B. Hình B

C. Hình A

Câu 28: Tìm hình còn thiếu:

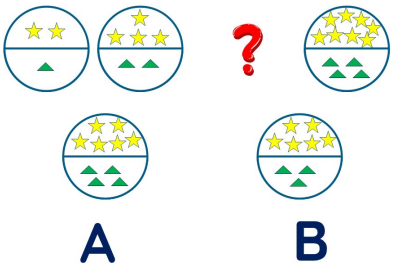

A. Hình A

B. Hình B

Câu 29: Tìm hình còn thiếu:

A. 7

B. 6

C. 5

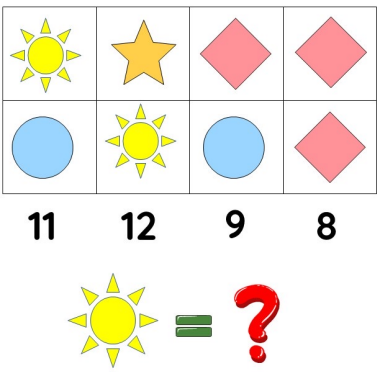

Câu 30: Có 9 chỗ ngồi ở hàng ghế thứ 1, 10 chỗ ở hàng ghế thứ 2, 11 chỗ ở hàng thứ 3, … Hỏi có bao nhiêu chỗ ở hàng ghế thứ 7?

Câu 31: Chọn đáp án đúng:

Tổng của bốn số chẵn liên tiếp là 20.
Tìm bốn số đó.

A. 4, 6, 8, 10

B. 6, 8, 10, 12

C. 2, 4, 6, 8